# PHÒNG GD&ĐT HUYỆN CHÂU THÀNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA LỘC A**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

TRÀ VINH - 2023

PHÒNG GD&ĐT HUYỆN CHÂU THÀNH

**TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA LỘC A**

**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức danh, chức vụ** | **Nhiệm vụ** | **Chữ ký** |
| 1 | Lâm Kim Ngân | Hiệu trưởng | Chủ tịch Hội đồng |  |
| 2 | Tô Xuân Huê | Phó hiệu trưởng | P. Chủ tịch Hội đồng |  |
| 3 | Hàng Bạch Tâm | Phó hiệu trưởng | P. Chủ tịch Hội đồng |  |
| 4 | Dương Hào Hiệp | Chủ tịch BCH công đoàn | P. Chủ tịch Hội đồng |  |
| 5 | Nguyễn Thị Ngọc Lam | Tổ phó Tổ Chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 6 | Phương Hồng Xuân | Tổ phó Tổ Chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 7 | Dương Thị Thu Hương | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 8 | Huỳnh NgọcLinh | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 9 | Lâm Thị Tường Vi | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 10 | Thạch Thị Anh Thư | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 11 | Nguyễn Văn Nồi | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 12 | Huỳnh Thị Thu Hương | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 13 | Phạm Thanh Vũ | Tổ trưởng Tổ chuyên môn | Ủy viên hội đồng |  |
| 14 | Kim Thanh Bình | Giáo viên | Ủy viên hội đồng |  |
| 15 | Nguyễn Thị Ngọc Thiếu | Văn Thư | Thư ký Hội đồng |  |
| 16 | Trần Ngọc Minh | Thư viện | Ủy viên hội đồng |  |
| 17 | Thạch Nhiều | Thiết bị | Ủy viên hội đồng |  |
| 18 | Kim Thành | Phổ cập | Ủy viên hội đồng |  |
| 19 | Lê Thị Kim Thùy | Tổng phụ trách | Ủy viên hội đồng |  |

TRÀ VINH - 2023

**MỤC LỤC**

|  |  |
| --- | --- |
| **NỘI DUNG** | **Trang** |
| **Mục lục** | **1** |
| **Danh mục các chữ viết tắt** | **4** |
| **Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá** | **5** |
| **Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU** | **7** |
| **Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **A. ĐẶT VẤN ĐỀ** | **14** |
| **B. TỰ ĐÁNH GIÁ** | **14** |
| **I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3** | **14** |
| **Tiêu chuẩn 1** | **14** |
| **Mở đầu** | **14** |
| **Tiêu chí 1.1** | **14** |
| **Tiêu chí 1.2** | **14** |
| **Tiêu chí 1.3** | **15** |
| **Tiêu chí 1.4** | **15** |
| **Tiêu chí 1.5** | **15** |
| **Tiêu chí 1.6** | **16** |
| **Tiêu chí 1.7** | **16** |
| **Tiêu chí 1.8** | **16** |
| **Tiêu chí 1.9** | **17** |
| **Tiêu chí 1.10** | **17** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 1*** | **18** |
| **Tiêu chuẩn 2** | **18** |
| **Mở đầu** | **18** |
| **Tiêu chí 2.1** | **18** |
| **Tiêu chí 2.2** | **18** |
| **Tiêu chí 2.3** | **19** |
| **Tiêu chí 2.4** | **19** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 2*** | **19** |
| **Tiêu chuẩn 3** | **20** |
| **Mở đầu** | **20** |
| **Tiêu chí 3.1** | **20** |
| **Tiêu chí 3.2** | **20** |
| **Tiêu chí 3.3** | **21** |
| **Tiêu chí 3.4** | **21** |
| **Tiêu chí 3.5** | **21** |
| **Tiêu chí 3.6** | **22** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 3*** | **22** |
| **Tiêu chuẩn 4** | **22** |
| **Mở đầu** | **23** |
| **Tiêu chí 4.1** | **23** |
| **Tiêu chí 4.2** | **23** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 4*** | **23** |
| **Tiêu chuẩn 5** | **24** |
| **Mở đầu** | **24** |
| **Tiêu chí 5.1** | **24** |
| **Tiêu chí 5.2** | **24** |
| **Tiêu chí 5.3** | **25** |
| **Tiêu chí 5.4** | **25** |
| **Tiêu chí 5.5** | **25** |
| ***Kết luận về Tiêu chuẩn 5*** | **26** |
| **II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4** | **26** |
| **Tiêu chí 1** | **26** |
| **Tiêu chí 2** | **27** |
| **Tiêu chí 3** | **27** |
| **Tiêu chí 4** | **27** |
| **Tiêu chí 5** | **27** |
| ***Kết luận*** | **28** |
| **Phần III. KẾT LUẬN CHUNG** | **28** |
| **Phần IV. PHỤ LỤC** | **30** |

**DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Cụm từ viết tắt** | **Cụm từ đầy đủ** |
| 1 | ✔ | Mặc nhiên đạt mức 3 khi tiêu chí đạt mức 2. |
| 2 | BGH | Ban giám hiệu |
| 3 | CB, GV, NV | Cán bộ, giáo viên, nhân viên |
| 4 | CB,VC | Cán bộ, viên chức |
| 5 | CBQL | Cán bộ quản lý |
| 6 | CMHS | Cha mẹ học sinh |
| 7 | CNNGVTH | Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học |
| 8 | CNTT | Công nghệ thông tin |
| 9 | CSVC | Cơ sở vật chất |
| 10 | GD & ĐT | Giáo dục và Đào tạo |
| 11 | GV | Giáo viên |
| 12 | GVCN | Giáo viên chủ nhiệm |
| 13 | HS | Học sinh |
| 14 | NGLL | Ngoài giờ lên lớp |
| 15 | TĐG | Tự đánh giá |
| 16 | TH | Tiểu học |
| 17 | TNCS | Thanh niên Cộng sản |
| 18 | TNTP | Thiếu niên tiền phong |
| 19 | UBND | Ủy ban Nhân dân |
| 20 | XHHGD | Xã hội hóa Giáo dục |

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ**

**1. Kết quả đánh giá**

**1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chuẩn,**  **tiêu chí** | **Kết quả** | | | |
| **Không đạt** | **Đạt** | | |
| **Mức 1** | **Mức 2** | **Mức 3** |
| **Tiêu chuẩn 1** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 1.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.2 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 1.5 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.6 |  | X | X |  |
| Tiêu chí 1.7 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.8 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.9 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 1.10 |  | X | X | ✔ |
| **Tiêu chuẩn 2** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 2.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 2.4 |  | X | X | X |
| **Tiêu chuẩn 3** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 3.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.4 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 3.5 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 3.6 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 4** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 4.1 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 4.2 |  | X | X |  |
| **Tiêu chuẩn 5** |  |  |  |  |
| Tiêu chí 5.1 |  | X | X | ✔ |
| Tiêu chí 5.2 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.3 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.4 |  | X | X | X |
| Tiêu chí 5.5 |  | X | X | X |

**Kết quả:** Đạt Mức 2

**1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Kết quả** | | **Ghi chú** |
| **Đạt** | **Không đạt** |
| Tiêu chí 1 |  | X |  |
| Tiêu chí 2 |  | X |  |
| Tiêu chí 3 |  | X |  |
| Tiêu chí 4 |  | X |  |
| Tiêu chí 5 |  | X |  |

**Kết quả:** Không đạt Mức 4

**2. Kết luận: Trường đạt mức 2**

**Phần I**

**CƠ SỞ DỮ LIỆU**

Tên trường (theo quyết định mới nhất): TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA LỘC A

Tên trước đây (nếu có):

Cơ quan chủ quản: Phòng GD&ĐT Huyện Châu Thành

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương | TRÀ VINH |  | Họ và tên  hiệu trưởng | Lâm Kim Ngân |
| Huyện/quận /thị xã / thành phố | Huyện Châu Thành |  | Điện thoại | 02943872879 |
| Xã / phường/thị trấn | Xã Đa Lộc |  | Fax |  |
| Đạt CQG | Đạt mức 1 |  | Website | thdaloca.sgdtravinh.edu.vn |
| Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập) | 1994 |  | Số điểm trường | 5 |
| Công lập | √ |  | Loại hình khác |  |
| Tư thục |  |  | Thuộc vùng khó khăn |  |
| Trường chuyên biệt |  |  | Thuộc vùng đặc biệt khó khăn | √ |
| Trường liên kết với nước ngoài |  |  |  |  |

**1. Số lớp học**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số lớp học** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| Khối lớp 1 | 292 | 266 | 248 | 237 | 283 |
| Khối lớp 2 | 244 | 269 | 252 | 235 | 214 |
| Khối lớp 3 | 214 | 233 | 264 | 249 | 223 |
| Khối lớp 4 | 228 | 210 | 231 | 263 | 233 |
| Khối lớp 5 | 189 | 220 | 199 | 228 | 258 |
| **Cộng** | 1167 | 1198 | 1194 | 1212 | 1211 |

**2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| **I** | Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập | 38 | 38 | 38 | 45 | 45 |  |
| 1 | Phòng học | 33 | 33 | 33 | 39 | 39 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 5 | 5 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 33 | 33 | 33 | 34 | 34 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 2 | Phòng học bộ môn | 1 | 1 | 1 | 4 | 4 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 3 | 3 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 1 | 1 | 1 | 1 | 1 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 3 | Khối phục vụ học tập | 4 | 4 | 4 | 2 | 2 |  |
| a | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 2 | 2 |  |
| b | Phòng bán kiên cố | 4 | 4 | 4 | 0 | 0 |  |
| c | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **II** | Khối phòng hành chính-quản trị | 12 | 12 | 12 | 12 | 12 |  |
| 1 | Phòng kiên cố | 0 | 0 | 0 | 3 | 3 |  |
| 2 | Phòng bán kiên cố | 12 | 12 | 12 | 9 | 9 |  |
| 3 | Phòng tạm | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| **III** | Thư viện | 2 | 2 | 2 | 1 | 1 |  |
| **IV** | Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có) | 18 | 18 | 18 | 18 | 18 |  |
|  | **Cộng** | 70 | 70 | 70 | 76 | 76 |  |

**3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên**

a) Số liệu tại thời điểm TĐG:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Tổng số** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Trình độ đào tạo** | | | **Ghi chú** |
| Chưa đạt chuẩn | Đạt chuẩn | Trên chuẩn |
| Hiệu trưởng | 1 | 1 | 0 | 0 | 1 | 0 |  |
| Phó hiệu trưởng | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | 0 |  |
| Giáo viên | 71 | 40 | 27 | 0 | 71 | 0 |  |
| Nhân viên | 3 | 1 | 2 | 2 | 1 | 0 |  |
| **Cộng** | 77 | 42 | 29 | 2 | 75 | 0 |  |

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** |
| 1 | Tổng số giáo viên | 73 | 72 | 71 | 69 | 70 |
| 2 | Tỷ lệ giáo viên/lớp | 1.73 | 1.67 | 1.65 | 1.68 | 1.66 |
| 3 | Tỷ lệ giáo viên/học sinh | 0.062 | 0.06 | 0.059 | 0.057 | 0.057 |
| 4 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có) | 17 | 8 | 8 | 8 | 12 |
| 5 | Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên (nếu có) | 0 | 0 | 2 | 2 | 2 |
| 6 | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |

**4. Học sinh**

a) Số liệu chung

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổng số học sinh | 1167 | 1198 | 1194 | 1212 | 1211 |  |
| *- Nữ* | 571 | 576 | 589 | 604 | 591 |  |
| *- Dân tộc* | 843 | 858 | 878 | 893 | 901 |  |
| *- Khối lớp 1* | 292 | 266 | 248 | 237 | 283 |  |
| *- Khối lớp 2* | 244 | 269 | 252 | 235 | 214 |  |
| *- Khối lớp 3* | 214 | 233 | 264 | 249 | 223 |  |
| *- Khối lớp 4* | 228 | 210 | 231 | 263 | 233 |  |
| *- Khối lớp 5* | 189 | 220 | 199 | 228 | 258 |  |
| 2 | Tổng số tuyển mới | 268 | 243 | 226 | 232 | 276 |  |
| 3 | Học 2 buổi/ngày | 292 | 266 | 248 | 711 | 720 |  |
| 4 | Bán trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 5 | Nội trú | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 6 | Bình quân số học sinh/lớp | 28 | 28 | 28 | 29 | 29 |  |
| 7 | Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi | 1189/1292 92% | 1176/126593% | 1182/1289 91.7% | 1207/129992.9% | 1156/1240 93.2% |  |
| *- Nữ* | 619 | 618 | 620 | 646 | 604 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 895 | 975 | 997 | 1014 | 943 |  |
| 8 | Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 9 | Tổng số học sinh giỏi cấp quốc gia (nếu có) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |  |
| 10 | Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách | 263 | 126 | 141 | 46 | 118 |  |
| *- Nữ* | 123 | 61 | 62 | 20 | 55 |  |
| *- Dân tộc thiểu số* | 197 | 110 | 92 | 40 | 109 |  |
| 11 | Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt | 263 | 126 | 141 | 46 | 118 |  |
|  | Các số liệu khác (nếu có) |  |  |  |  |  |  |

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số liệu** | **Năm học 2018-2019** | **Năm học 2019-2020** | **Năm học 2020-2021** | **Năm học 2021-2022** | **Năm học 2022-2023** | **Ghi chú** |
| Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 | 298/298 100% | 268/268 100% | 246/246 100% | 232/232 100% | 260/260 100% |  |
| Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học | 1134/116797% | 1160/119897% | 1168/119498% | 1153/117998% | 1186/1211 98% |  |
| Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 192/208 92,3% | 198/212 93,4% | 223/239 93,3% | 201/223 90,1% | 197/216 91,2% |  |
| Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học | 741/759 97,6% | 726/745 97,4% | 798/816 97,8% | 795/819 97,1% | 808/829 97,5% |  |

**Phần II**

**TỰ ĐÁNH GIÁ**

**A. ĐẶT VẤN ĐỀ**

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Tiểu học Đa Lộc A được thành lập theo Quyết định số 418/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 1994 của UBND huyện Châu Thành về việc công nhận địa bàn quản lý thuộc trường Tiểu học Đa Lộc. Trường được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2015-2020 theo quyết định số 89/QĐ-UBND ngày 16/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc cấp bằng công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, được UBND tỉnh quyết định công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 năm 2016. Trong nhiều năm liền, trường luôn được UBND huyện, UBND tỉnh xét công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động Xuất sắc. Năm học 2017-2018 được Thủ tướng Chính Phủ tặng bằng khen và được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua.

Tháng 12 năm 2019 trường tiểu học Đa Lộc B sáp nhập vào trường tiểu học Đa Lộc A theo Quyết định số 4060/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2019, Quyết định của UBND huyện Châu Thành.

Trường có diện tích đất 12 393 m2 (trung bình mỗi học sinh đạt 10,2 m2) trường có 05 điểm học với 45 phòng (phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập); 12 phòng (khối phòng hành chính-quản trị); 01 phòng thư viện và 18 phòng (khối phòng chức năng khác).

Trường có 39 lớp/39 phòng học với 1203 học sinh (trong đó nữ là 569, dân tộc là 911, dân tộc nữ: 429) trung bình 31 học sinh/lớp. Học sinh đa số là con em của các gia đình làm làm nông nghiệp, làm thuê; cuộc sống không ổn định, kinh tế gia đình một số hộ còn khó khăn nên việc quan tâm của cha mẹ học sinh đến vấn đề học của các em còn hạn chế. Tuy vậy, các em rất có tinh thần vượt khó vươn lên trong học tập và đã có nhiều em đạt kết quả cao trong các hội thi do trường và ngành tổ chức.

 Đội ngũ cán bộ giáo viên của nhà trường gồm 77 người, trong đó: Cán bộ quản lý: 03; nhân viên 03; Tổng phụ trách Đội: 01; giáo viên trực tiếp đứng lớp: 70; đảng viên: 45; cán bộ, giáo viên có trình độ Đại học: 71, Cao đẳng: 03, Trung cấp: 01. Đội ngũ CB, GV, NV nhiệt huyết, năng động, tâm huyết với nghề nghiệp, yêu mến học sinh, được phụ huynh học sinh và nhân dân địa phương tin yêu.

 Về  chế độ chính sách: Nhà trường đã cập nhật kịp thời, đầy đủ các văn bản pháp quy về chế độ tài chính, thực hiện thanh toán kịp thời, đầy đủ mọi chế độ cho cán bộ, giáo viên; thực hiện tốt công tác dự toán kinh phí cũng như chế độ báo cáo thống kê, quyết toán hàng năm cho cơ quan chủ quản; mọi công tác thu, chi đều được công khai và dân chủ.

 Về công tác quản lý: Lãnh đạo nhà trường đoàn kết, thống nhất, có năng lực chuyên môn và năng lực quản lí vững vàng, không ngừng học tập để nâng cao trình độ nghiệp vụ; có đủ các bộ phận, đoàn thể trong nhà trường, phát huy tốt vai trò của mình trong công tác quản lí nên đã đẩy mạnh được phong trào thi đua “Dạy tốt - Học tốt” trong giáo viên và học sinh.

Về xây dựng môi trường giáo dục: Trường đã xây dựng được môi trường giáo dục thân thiện, an toàn, lành mạnh cho cán bộ giáo viên và học sinh; xây dựng cảnh quan xanh, sạch, đẹp; luôn chú trọng và có biện pháp đảm bảo an ninh, không có bạo lực, không có tệ nạn xã hội. Qua kiểm tra phong trào thi đua xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực hàng năm. Trường đảm bảo các tiêu chuẩn về trường học an toàn về an ninh trật tự.

 Về xây dựng mối quan hệ Nhà trường - Gia đình - Xã hội: Trường đã được sự hỗ trợ và xây dựng được mối quan hệ chặt chẽ với Đảng Ủy xã Đa Lộc, các tổ chức đoàn thể và chính quyền địa phương, phối hợp với cha mẹ học sinh tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác giáo dục học sinh. Thường xuyên liên lạc với gia đình học sinh dưới nhiều hình thức để nắm bắt thông tin hai chiều kịp thời, từ đó đưa ra các biện pháp giáo dục phù hợp.

2. Mục đích TĐG

  Nhà trường xác định tự đánh giá là để xác định tầm nhìn về các điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức của nhà trường và đề ra các kế hoạch, biện pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng đào tạo. Kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền hay lãnh đạo địa phương, chỉ đạo và cung cấp các biện pháp hỗ trợ cho nhà trường không ngừng mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của nhà trường. Mục đích của tự đánh giá nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường; để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của trường; để các cơ quan chức năng đánh giá và công nhận trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trường Tiểu học Đa Lộc A nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, có nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh Tiểu học theo chương trình của Bộ GD&ĐT. Nhà trường luôn phấn đấu trở thành đơn vị tiên tiến đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục và nhu cầu học tập của học sinh. Trường luôn phấn đấu đạt mục tiêu nâng cao chất lượng mọi mặt, hoạt động đáp ứng với chuẩn giáo dục chung của cả nước. Muốn vậy, điều quan trọng trước hết là phải đánh giá được những mặt mạnh, những mặt còn tồn tại; từ đó, xây dựng kế hoạch hành động để tiếp tục phát huy mặt mạnh, khắc phục mặt tồn tại.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Đây là quá trình nhà trường tự xem xét, kiểm tra, đánh giá trên cơ sở các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục được quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22  tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học để báo cáo tình trạng chất lượng, hiệu quả giáo dục, nhân lực, cơ sở vật chất cũng như các vấn đề liên quan khác. Từ đó, điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

Trên tinh thần đó, trường Tiểu học Đa Lộc A thành lập Hội đồng tự đánh giá nhằm mục đích đánh giá lại kết quả của đơn vị đã đạt được trong 5 năm qua, đồng thời tìm ra những tồn tại để đánh giá thực chất cơ sở giáo dục.

Hội đồng tự đánh giá của trường do Hiệu trưởng làm Chủ tịch, các Phó hiệu trưởng và Chủ tịch Công đoàn làm phó chủ tịch. Hội đồng có 19  thành viên gồm: Ban Giám hiệu, Chủ tịch công đoàn, TPT Đội; các Tổ trưởng chuyên môn và Tổ trưởng văn phòng, viên chức TV-TB và giáo viên.

 Ban thư kí của Hội đồng gồm 06 thành viên do Thư ký Hội đồng làm trưởng ban và 05 uỷ viên. Năm nhóm chuyên trách của Hội đồng gồm 10  thành viên có trách nhiệm nghiên cứu, đánh giá 5 tiêu chuẩn với 27 tiêu chí của bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường Tiểu học.

 Trường tiến hành nghiên cứu, phân tích kĩ từng tiêu chuẩn, tiêu chí trong Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học. Huy động tất cả cán bộ GV, NV của trường vào việc thu thập và xử lý minh chứng phục vụ.

**B. TỰ ĐÁNH GIÁ**

**I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3**

**Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường**

**Mở đầu**:

Trường Tiểu học Đa Lộc A là trường Tiểu học duy nhất của xã Đa Lộc. Trường có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định Điều lệ trường tiểu học. Có đội ngũ CBQL, GV, NV đủ về số lượng theo cơ cấu về loại hình, đạt tiêu chuẩn về phẩm chất đạo đức và trình độ đào tạo, bảo đảm thực hiện chương trình giáo dục phổ thông. Hằng năm, hiệu trưởng phân công nhiệm vụ hợp lý,  nên đã phát huy được năng lực chuyên môn. Nhà trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng tư vấn, các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, chi bộ Đảng, Công đoàn cơ sở, Liên Đội TNTP Hồ Chí Minh, Ban đại diện cha mẹ học sinh. Các tổ chức, hội đồng hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và các quy định hiện hành. Nhà trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng chiến lược phát triển nhà trường, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá theo đúng quy chế góp phần quan trọng trong thành tích chung của nhà trường. Công tác khen thưởng và kỷ luật đối với CB, GV, NV và HS được nhà trường thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan đúng theo các quy định hiện hành. Đó là những cơ sở nền tảng cho quá trình phấn đấu trưởng thành đi lên của nhà trường, góp phần tích cực vào hoạt động toàn diện của nhà trường.

**Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường**

Mức 1:

a) Phù hợp mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Tiểu học Đa Lộc A đã xây dựng kế hoạch “Chiến lược phát triển giáo dục 05 năm (2019-2025). Chiến lược phát triển giáo dục phù hợp với Điều 29 Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 và điều kiện kinh tế xã hội ở địa phương [H1-1.1-01] [H1-1.1-02]. Từ đó xác định rõ định hướng, mục tiêu chiến lược và các giải pháp chủ yếu trong quá trình vận động và phát triển, là cơ sở quan trọng cho các quyết sách của Hội đồng trường và hoạt động của Hiệu trưởng cũng như toàn thể CB, GV, NV và HS nhà trường. Việc xây dựng điều chỉnh kế hoạch chiến lược cũng được nhà trường căn cứ trên cơ sở các nguồn lực hiện có của đơn vị trong từng thời điểm [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Kế hoạch phát triển nhà trường được PGD & ĐT phê duyệt.[H1-1.1-01]

Nhà trường đã tổ chức triển khai kế hoạch chiến lược trong cuộc họp toàn thể hội đồng giáo viên để quán triệt về nội dung kế hoạch chiến lược và cùng nhau thực hiện [H1-1.1-05]. Phát huy truyền thống đoàn kết, nhất trí, cộng đồng trách nhiệm của toàn trường để quyết tâm thực hiện đạt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Ngoài ra, kế hoạch chiến lược của nhà trường còn được niêm yết tại văn phòng và đăng trên Website của trường tại địa chỉ http://thdaloca.sgdtravinh.edu.vn,  để tất cả thành viên trong nhà trường, phụ huynh học sinh biết để có cộng đồng trách nhiệm trong việc thực hiện thắng lợi mục tiêu và các chỉ tiêu đề ra [H1-1.1-06] ; [H1-1.1-07].

Mức 2:

Nhà trường đã thực hiện các giải pháp giám sát việc thực hiện Kế hoạch chiến lược đảm bảo đúng các quy định về Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của đơn vị, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của cá nhân, tổ chức, đoàn thể trong nhà trường về lộ trình và giải pháp thực hiện kế hoạch chiến lược và có các biện pháp giải quyết đúng theo qui định, chính sách hiện hành của nhà nước. Cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được phân công . Nhà trường thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kì, đột xuất lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược theo quy định, kịp thời, chính xác, có sự giám sát của Ban thanh tra nhân dân. Hàng năm nhà trường có báo cáo hoạt động của Ban thanh tra nhân dân và công đoàn nhằm để nhìn nhận việc đã làm được, những việc chưa làm được để có kế hoạch điều chỉnh cụ thể trong tháng, học kỳ, năm học [H1-1.1-09]; [H1-1.1-10]; [H1-1.1-11].

Mức 3:

Định kỳ hàng năm, nhà trường có tổ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển, thông qua đánh giá toàn diện hoạt động từng học kì, năm học [H1-1.1-12], [H1-1.1-13]. Quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược và điều chỉnh bổ sung kế hoạch chiến lược đều được nhà trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Hội đồng trường, toàn thể CB, GV, NV,và CMHS [H1-1.1-14]. Tuy nhiên, việc tham gia đóng góp xây dựng của cộng đồng còn hạn chế.

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch chiến lược phát triển giáo dục của nhà trường cụ thể, rõ ràng theo từng giai đoạn, phù hợp mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và điều kiện thực tế của đơn vị và được PGD& ĐT phê duyệt.

Kế hoạch chiến lược được cụ thể hóa vào kế hoạch năm học của nhà trường, được triển khai trong hội đồng sư phạm và công khai trên bản công khai tại trường.

**3. Điểm yếu**

Văn bản chiến lược chưa được công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng, chưa có sự tham gia ý kiến rộng rãi trong cha mẹ học sinh và cộng đồng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo dựng được môi trường học tập thân thiện,  nề nếp – kỷ cương, chất lượng cao để mỗi học sinh đều có cơ hội học tập, rèn luyện, phát triển hết tiềm năng, phát triển tài năng của mình. Hàng năm xây dựng chương trình hành động thực hiện các nội dung liên quan đến vấn đề thực hiện kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường. Tuyên truyền, vận động mọi thành viên của tổ chức mình và cộng đồng, tạo điều kiên tốt nhất để thu thập ý kiến đóng góp của cộng đồng nhằm thực hiện tốt các nội dung và giải pháp để nhà trường điều chỉnh, bổ sung kế hoạch chiến lược cho phù hợp và đạt hiệu quả tốt nhất.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác**

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hội đồng Trường Tiểu học Đa Lộc A được thành lập đúng theo qui định tại điều 10 Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT,  ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể, Hội đồng trường nhiệm kì 2015-2020 được thành lập và kiện toàn theo Quyết định số 229/QĐ-PGDĐT ngày 11/8/2014 của Phòng Giáo dục huyện Châu Thành do bà Bùi Thị Nga Phó hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng và Hội đồng trường nhiệm kì 2020-2025 thành lập theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 02/02/2021 của UBND huyện Châu Thành do bà Trương Thị Mỹ Xuyên hiệu trưởng làm Chủ tịch hội đồng. Hội đồng trường nhiệm kì 2020-2025 có 11 thành viên được cơ cấu gồm đại diện tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam,  Phó Hiệu trưởng, đại diện đoàn thanh niên, đại diện tổ chuyên môn, đại diện UBND xã và đại diện hội cha mẹ học sinh. Hiện do nhu cầu công tác, lãnh đạo vừa thực hiện luân chuyển, nên trường đang trình UBND huyện kiện toàn lãnh đạo Hội đồng. [H1-1.2-01]

Hội đồng trường Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường giai đoạn và hàng năm [H1-1.2-02]. Quyết nghị về quy chế hoặc sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường [H1-1.2-03]. Quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường [H1-1.2-04].

Hàng năm Hội đồng trường có tổ chức sơ kết đánh giá hoạt động và đề ra kế hoạch hoạt động cho năm sau [H1-1.2-05].

Mức 2:

Thành viên Hội đồng trường luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, phối hợp hoạt động đồng bộ, kịp thời có ý kiến đề xuất, góp ý phù hợp cho hoạt động của Hội đồng trường, góp phần giúp cho Hội đồng trường nâng cao chất lượng hoạt động. Qua đó, Hội đồng trường kịp thời phê duyệt các chủ trương, quyết sách phát triển của Ban Giám hiệu trường; giám sát tiến độ, hiệu quả các hoạt động toàn diện của nhà trường. Từ đó, góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học [H1-1.2-05]; [H1-1.2-06].

**2. Điểm mạnh**

Hội đồng trường đã xem xét, phê chuẩn mục tiêu, nhiệm vụ, các chủ trương, kế hoạch, biện pháp, giải pháp của nhà trường trong năm học đạt yêu cầu chính xác, phù hợp, sát thực, hiệu quả. Từ đó thúc đẩy tập thể, cá nhân CB, VC tích cực chủ động tham gia đầy đủ, nghiêm túc và đạt kết quả cao nhất. Hội đồng trường tuân thủ tuyệt đối, toàn diện sự lãnh đạo của Đảng ủy, Chính quyền, ngành, Chi bộ nhà trường; Quyết định thực hiện các mục tiêu Hội đồng trường phê chuẩn. Hội đồng trường đã duy trì hoạt động theo phân công cụ thể, họp định kì đúng quy định.

**3. Điểm yếu**

Thành viên của Hội đồng trường thường thay đổi do các yếu tố khách quan như thay đổi chức danh, chuyển nơi công tác, chưa được kiện toàn kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024,  Hiệu trưởng trình cấp thẩm quyền ra quyết định kiện toàn hội đồng trường, đồng thời Chủ tịch Hội đồng phải phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, thực hiện hoạt động có hiệu quả theo quy chế đã đề ra.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường**

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có các tổ chức sau: Chi bộ Đảng với 45 đảng viên [H1-1.3-01], Công đoàn có 75 đoàn viên. Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2027 đã bầu Ban chấp hành Công đoàn gồm 05 đồng chí,  được phê duyệt chuẩn y bởi quyết định số 268/QĐ-LĐLĐ của Liên đoàn Lao động huyện Châu Thành.[H1-1.3-02]; Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội Liên Đội vào đầu năm học bầu Ban chỉ huy Liên đội gồm 9 đội viên do xã đoàn chuẩn y theo quyết định số 01/QĐ-XĐĐL. Em Trương Tuệ Ngữ được bầu làm Liên đội trưởng, toàn liên đội có 436 đội viên [H1-1.3-03] ; Có 78 sao nhi đồng Hồ Chí Minh do các bạn đội viên phụ trách [H1-1.3-04]; Chi hội Khuyến học được thành lập vào đầu năm học và hàng năm kiện toàn khi có thay đổi các thành viên, chi hội khuyến học của trường gồm có 80 thành viên là giáo viên của trường và đại diện cha mẹ học sinh các điểm học [H1-1.3-05].

Chi bộ lãnh đạo nhà trường thực hiện các nhiệm vụ chính trị; Các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoạt động theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định. Chi bộ lãnh đạo nhà trường thành một tập thể đoàn kết, thống nhất [H1-1.3-06]. Công đoàn giúp nhà trường chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CB-GV-NV [H1-1.3-07];  Liên đội tổ chức các hoạt động xây dựng các phong trào thi đua trong nhà trường [H1-1.3-08]; [H1-1.3-09]. Hội khuyến học hàng năm vận động học bổng, quần áo, sách vở dụng cụ học tập giúp đỡ học sinh nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn có đủ điều kiện đến trường [H1-1.3-10]. Chi bộ và các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và được lãnh đạo địa phương, nhân dân tín nhiệm [H1-1.1-12].

Sau mỗi tháng, học kì và năm học, Công đoàn, Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh và các Hội đồng thực hiện rà soát, đánh giá các hoạt động đã làm được và rút kinh nghiệm những việc chưa làm được. Mỗi tổ chức trong nhà trường sau khi rà soát, đánh giá đều có văn bản báo cáo sơ, tổng kết và đưa ra phương hướng hoạt động cho tháng tiếp theo [H1-1.3-11]; [H1-1.3-12]; [H1-1.3-13].

Mức 2:

Chi bộ trường Tiểu học Đa Lộc A được thành lập năm 2006 sau khi tách khỏi chi bộ Y tế - Giáo dục xã Đa Lộc. Tổng số đảng viên chi bộ hiện nay là 45 đồng chí, Đại hội chi bộ nhiệm kỳ 2020-2025 đã bầu bí thư, phó bí thư và 5 chi ủy viên lãnh đạo chi bộ[H1-1.3-01] được chuẩn y theo quyết định số  107-QĐ/ĐU, ngày 15/6/2022 của Đảng ủy xã Đa Lộc và quyết định chuẩn y số 171-QĐ/ ĐU do bí thư chi bộ mới thuyên chuyển về [H1-1.3-01]

Tổ chức Đảng trong 05 năm qua có 04 năm được đánh giá Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ; Trong đó có năm 2018 hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, năm 2020 hoàn thành  nhiệm vụ,  năm 2019, 2021,2022 hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-13].

Mức 3:

Tổ chức Đảng trong 05 năm qua có 04 năm được đánh giá chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, 01 năm hoàn thành nhiệm vụ [H1-1.3-13].

Chi bộ, Công đoàn, Đội TNTP Hồ Chí Minh của trường đã làm tốt chức năng giáo dục tư tưởng chính trị, đạo đức tác phong cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, các tổ chức đã đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng [H1-1.1-12].

**2. Điểm mạnh**

Chi bộ Đảng nhiều năm lãnh, chỉ đạo đạt hiệu quả. Tổ chức Công đoàn hoạt động tích cực đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho đoàn viên Công đoàn. Liên Đội hoạt động tốt đã xây dựng nề nếp tự quản- vệ sinh môi trường, Hội khuyến học hàng năm vận động nhiều suất học bổng, quà cho học sinh nghèo…

**3. Điểm yếu**

  Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bí thư chi bộ tiếp tục phát huy vai trò lãnh đạo, điều hành các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường nâng cao trách nhiệm, hiệu quả hoạt động. Tiếp tục duy trì việc thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của các cấp. Đảm bảo thực hiện tốt quy chế dân chủ trong trường học, phát huy hơn nữa vai trò của mình để đóng góp có hiệu quả hơn trong cộng đồng.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng**

Mức 1:

a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;

c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;

b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;

b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường Tiểu học Đa Lộc A là trường tiểu học hạng I (theo quy định tại Thông tư số 35/2006/TTLT- BGDĐT- BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006 của BGDĐT-BNV). Cơ cấu ban giám hiệu theo qui định. Hiện trường có Hiệu trưởng  được bổ nhiệm theo quyết định số 2720/QĐ-UBND, ngày 14/8/2023 và 02 Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm  theo quyết định số 2707/QĐ-UBND  và  quyết định số 2706/ QĐ-UBND, ngày 14/8/2023 theo đúng quy định trong điều 11 của Điều lệ Trường tiểu học. Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đủ số lượng theo quy định tại Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐTngày 12/7/2017 quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục tiểu học công lập. [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02].

Nhà trường có 5 tổ chuyên môn và 1 tổ văn phòng: Tổ khối 1, tổ khối 2, tổ khối 3, tổ khối 4, tổ khối 5 và tổ văn phòng theo quy định tại Điều 14, 15 Điều lệ trường tiểu học. Mỗi tổ chuyên môn có một tổ trưởng. Các tổ được cơ cấu theo quyết định thành lập của Hiệu trưởng và thực hiện công tác chuyên môn theo quy định tại Khoản 2, Điều 14, 15 của Điều lệ Trường tiểu học. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04].

Các tổ xây dựng kế hoạch hoạt động ngay từ đầu năm học trên cơ sở từ kế hoạch hoạt động của nhà trường. Căn cứ kế hoạch chung, tổ xây dựng kế hoạch theo tháng, tuần với các nội dung công việc cụ thể và được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với từng tổ, hàng tháng được BGH duyệt.  Tổ chuyên môn sinh hoạt định kì 2 lần/tháng và họp đột xuất khi có nhu cầu công việc. Mỗi cuộc họp đều được ghi nội dung trong sổ biên bản họp [H1-1.4-05]; [H1-1.4-06]; [H1-1.4-07].

Mức 2:

Hằng năm, mỗi tổ chuyên môn thực hiện được ít nhất 01 chuyên đề. Nội dung chuyên đề chủ yếu tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, Kỹ năng luyện đọc Tiếng Việt cho học sinh lớp 1, Dạy học theo hướng phát  triển năng lực cho học sinh, Nâng cao hiệu quả dạy học luyện từ và câu cho học sinh khối 4,5,…Các chuyên đề đều có tác dụng nâng cao chất lượng tay nghề cho giáo viên và mang lại hiệu quả giáo dục. [H1-1.4-08].

Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hàng tháng họp sơ kết đánh giá chất lượng, hiệu quả công tác và đưa ra kế hoạch tháng tiếp theo. Qua đó bổ sung, đều chỉnh nội dung hoạt động tháng sau phù hợp với tình hình hiện tại [H1-1.4-07]; [H1-1.4-09].

Mức 3:

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có nhiều đóng góp trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường. Các tổ chuyên môn có kế hoạch hoạt động chung của tổ. Hàng tuần tổ có kế hoạch kiểm tra chuyên môn, ký duyệt hồ sơ giáo án của các thành viên trong tổ. Tổ chuyên môn thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy; hàng tháng tổ họp đánh giá hoạt động của tổ, triển khai công tác tháng tới và bình xét thi đua định kỳ giữa kỳ-cuối kỳ. Các thành viên trong các tổ đều được tham gia đánh giá xếp loại giáo viên hàng năm theo Quy định về xếp loại giáo viên Tiểu học. Tổ văn phòng thường xuyên giúp hiệu trưởng thực hiện nhiệm vụ quản lí tài chính, tài sản nhà trường, hạch toán kế toán, thống kê, báo cáo theo quy định [H1-1.1-12]; [H1-1.4-07]; [H1-1.4-10].

Trong các năm qua, tổ chuyên môn đã thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục [H1-1.4-08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có cơ cấu bộ máy theo qui định, có hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng có nghiệp vụ vững vàng. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hoạt động đồng bộ, có kế hoạch hoạt động tuần, tháng, năm học rõ ràng, thực hiện đúng theo nhiệm vụ của tổ. Hằng năm, tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

**3. Điểm yếu**

Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Từ năm học 2023-2024, BGH sẽ tham gia dự họp khối và đề ra biện pháp nâng cao chất lượng sinh hoạt của các tổ chuyên môn. Đồng thời chỉ đạo cho tổ chuyên môn và tổ văn phòng thực hiện tốt công tác rà soát, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của tổ theo định kì nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Phó Hiệu trưởng chỉ đạo các tổ tiếp tục nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề, chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng nội dung sinh hoạt tổ, đi sâu các chuyên đề một cách cụ thể nhằm nâng cao chất lượng dạy học trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.5: Khối lớp và tổ chức lớp học**

Mức 1:

a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;

b) Học sinh đ ược tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiện trường có đủ các khối lớp bậc Tiểu học. khối một có 9 lớp, khối hai có 9 lớp, khối 3 có 7lớp, khối 4 có 7 lớp, khối 5 có 7 lớp [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

Mỗi lớp được biên chế số lượng theo quy định, thuận lợi cho công tác chủ nhiệm và kèm cập nâng chuẩn kiến thức kỹ năng, giáo viên chủ nhiệm có sổ chủ nhiệm theo dõi học sinh hàng ngày. Trung bình số học sinh trên mỗi lớp là 31 học sinh, đảm bảo so với quy định. Lớp có sĩ số học sinh đông nhất là 39 học sinh,  lớp có sĩ số thấp nhất là 19 học sinh; hàng năm có danh sách theo dõi sĩ số học sinh các lớp. [H1-1.5-03].

Lớp học được hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ dưới sự hướng dẫn của GVCN, lớp trưởng, các lớp phó phân công trách nhiệm điều hành hoạt động của lớp. Hằng ngày theo dõi, quản lý nề nếp lớp học; cuối tuần sơ kết, đánh giá các hoạt động báo cáo GVCN. GVCN đánh giá chung và lên kế hoạch tuần tiếp theo. [H1-1.5-05] [H1-1.5-06]; [H1-1.5-07].

Mức 2:

Nhà trường có biên chế 39 lớp/39 phòng học văn hóa đảm bảo thoáng mát cho học sinh học tập.[H1-1.5-01][H1-1.5-06]  .

Sĩ số học sinh trong lớp trung bình 31 học sinh/lớp.Tuy nhiên số học sinh phân bổ không đều ở các khối lớp và ở các điểm học [H1-1.5-01].

Nhà trường bố trí, tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức dạy học và các hoạt động giáo dục theo hướng dạy học lấy học sinh làm trung tâm, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động Câu lạc bộ, tổ chức trò chơi học tập…[H1-1.5-05]; [H1-1.5-06]; [H1-1.5-07].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ các khối lớp của cấp học theo qui định; các lớp được tổ chức theo mô hình hội đồng tự quản và thường xuyên thay đổi cơ cấu tổ chức của hội đồng tự quản.

**3. Điểm yếu**

Trường có nhiều điểm học cách xa nhau nên sĩ số học sinh phân bố không đồng đều có lớp 37 hs/lớp; có lớp 20hs/lớp. Có số lớp vượt so với qui định.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, tham mưu với Phòng Giáo dục xin ý kiến với UBND huyện Châu Thành trong việc dồn lớp từ các điểm lẻ về điểm chính để đảm bảo số lớp theo qui định. Đồng thời để các em được tiếp cận phương tiện, thiết bị học tập đầy đủ phát huy năng lực của các em. Giảm tuyển sinh học sinh trái tuyến nhằm đảm bảo số lớp, số học sinh theo qui đinh. Giáo viên rèn luyện cho học sinh kỹ năng tự học, tự quản và kỹ năng sống nhiều hơn thông qua các môn học và hoạt động giáo dục để các em trải nghiệm và tự chiếm lĩnh kiến thức hình thành năng lực cá nhân cần thiết trong cuộc sống.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản**

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và cơ sở vật chất; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ, sổ sách theo quy định tại Điều 21 Điều lệ trường Tiểu học. Tất cả các loại hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định của Luật lưu trữ và theo Thông tư số 27/2016/TT-BDGĐT Quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục. Các loại hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục: Sổ đăng bộ; sổ phổ cập giáo dục Tiểu học; sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá học sinh; học bạ của học sinh; sổ nghị quyết và kế hoạch công tác; sổ quản lý cán bộ giáo, viên nhân viên; sổ khen thưởng, kỷ luật; sổ quản lý tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn. Các loại hồ sơ đủ theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Hồ sơ lưu trữ theo từng mảng hoạt động giáo dục và người phụ trách hoạt động nào kiêm luôn việc lưu trữ hồ sơ phục vụ cho hoạt động đó [H1-1.6-01].

Hằng năm, nhà trường lập dự toán ngân sách trình cấp thẩm quyền phê duyệt. Trên cơ sở đó, nhà trường thực hiện thu chi theo dự toán, tổ chức quản lý và sử dụng tài sản đúng nguyên tắc.[H1-1.6-02]; [H1-1.6-03]; Đầu năm học, nhà trường tổ chức bàn giao tài sản, cơ sở vật chất, thiết bị đến từng lớp và phân công trách nhiệm cho các bộ phận, các cá nhân có liên quan đến việc sử dụng tài sản, ký nhận bàn giao hằng năm và chịu trách nhiệm bảo vệ tài sản mình đang sử dụng[H1-1.6-04] ; Cuối năm, thực hiện kiểm tra, quyết toán tài chính, thống kê, báo cáo, công khai  tài chính, tổ chức kiểm kê tài sản theo quy định của nhà nước. Trên cơ sở bản Quy chế chi tiêu nội bộ đã được xây dựng, hằng năm, thông qua hội nghị viên chức, nhà trường tổ chức lấy ý kiến để bổ sung, cập nhật các quy định cho phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.6-05]; [H1-1.6-06]; [H1-1.6-07].

Nhà trường quản lí, sử dụng hiệu quả tài chính, cơ sở vật chất để phục vụ các hoạt động giáo dục. Mọi thành viên trong trường đều có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản chung của nhà trường đầu năm có tổ chức bàn giao cơ sở vật chất lớp học cho giáo viên. Hàng năm thực hiện cập nhật sổ tài sản đúng quy định [H1-1.6-04], [H1-1.6-07].

Mức 2:

Nhà trường thực hiện ứng dựng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý hành chính, tài chính, tài sản có hiệu quả, các phần mềm được sử dụng như: Phần mềm kế toán DT Soft, phần mềm quản lý tài sản Misa, phần mềm VNPT-BHXH, phần mềm thuế TNCN.Với tính năng hiện đại những giải pháp CNTT phù hợp ứng dụng tiết kiệm thời gian, chi phí đồng thời quản lý hiệu quả, chính xác các thông tin về tài chính phục vụ chế độ tổng hợp báo cáo đầy đủ, kịp thời, chính xác [H1-1.6-08].

Định kỳ hằng năm trường được Phòng Giáo dục và Đào tạo Châu Thành tiến hành kiểm tra về công tác quản lý tài chính, tài sản, đều đánh giá nhà trường thực hiện việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản đúng pháp luật; trong 5 năm liền kề, nhà trường không vi phạm liên quan đến tài chính, tài sản. [H1-1.6-09].

Mức 3:

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Hướng dẫn thu chi đúng theo quy định. Quản lý tài sản và sử dụng có hiệu quả.

 Bộ phận Kế toán tham mưu và thực hiện nghiêm túc các quy định về tài chính, thực hiện thu chi đúng mục đích; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ rõ ràng, chi tiết; công khai tài chính theo định kỳ.

Hằng năm, BGH trường tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện xã hội hóa giá dục để huy động tốt các nguồn kinh phí hợp pháp hỗ trợ cho hoạt động giáo dục của nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Công tác lưu trữ hồ sơ chưa được khoa học, một số đầu hồ sơ chưa đủ theo số lượng: Sổ dự giờ, Sổ chủ nhiệm kế hoạch dạy học. Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024, nhà trường tiếp tục thực hiện lưu trữ đầy đủ hồ sơ, sắp xếp khoa học theo quy định của Luật lưu trữ. Thành lập tổ sắp xếp hồ sơ do lãnh đạo nhà trường chủ trì, cùng các bộ phận liên quan kiểm kê, sắp xếp, mã hóa hệ thống hồ sơ của nhà trường để quản lý, sử dụng và lưu trữ thuận tiện, khoa học. Hiệu trưởng tiếp tục phát huy hiệu quả vai trò quản lý tài chính và tài sản trong nhà trường, đồng thời lập kế hoạch trung và dài hạn để tạo nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên**

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả các hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ CBQL, GV, NV nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và các năng lực giảng dạy, năng lực quản lý, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác của giáo viên, CBQL giáo dục trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về trình độ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giáo viên tiểu học quy định [H1-1.7-01]. Ngoài ra, nhà trường còn xây dựng kế hoạch trung hạn 05 năm (2018-2023) để có tầm nhìn chiến lược cho việc bồi dưỡng cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trường trong thời gian tới [H1-1.7-02].

Trên cơ sở đội ngũ hiện có, nhà trường phân công, sử dụng CBQL, GV, NV rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả các hoạt động dạy và học của nhà trường. Qua đó khai thác năng lực lợi thế của mỗi thành viên góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H1-1.7-03].

Nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi để CBQL, GV, NV thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công. Tất cả đều được tham gia học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao tay nghề. Được hưởng lương, phụ cấp ưu đãi theo nghề, phụ cấp thâm niên và các phụ cấp khác theo quy định. Ngoài ra, nhà trường thực hiện tốt quy chế dân chủ,  mọi vấn đề của nhà trường đều được đưa ra hội đồng thảo luận và quyết định trong Hội nghị  cán bô, viên chức hàng năm. Nhà trường thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho CB, GV, NV và HS kịp thời [H1-1.7-04]; [H1-1.7-05]; [H1-1.7-06].

Mức 2:

Hàng năm nhà trường có xây dựng kế hoạch năm học để định hướng cho hoạt động của nhà trường. Trong kế hoạch năm học có đề ra các chỉ tiêu và biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của CBQL, GV, NV trong xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường như tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi, làm đồ dùng dạy học, Tham gia sinh giao lưu sinh hoạt chuyên môn cụm,... [H1-1.1-03]; [H1-1.7-07].

**2. Điểm mạnh**

Công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên được nhà trường quan tâm đúng mức, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho giáo viên được tham gia học tập, nội dung bồi dưỡng chuyên môn được cập nhật mới thường xuyên theo nhu cầu của giáo viên.

Nhà trường phân công giáo viên, nhân viên hợp lí, hợp tình cho nên tất cả đều chấp hành sự phân công, không có khiếu nại, luôn an tâm công tác.

 Nhà trường đảm bảo giáo viên, nhân viên được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo theo quy định của Điều lệ Trường tiểu học và của pháp luật.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên lớn tuổi, năng lực ứng dụng CNTT trong dạy học còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo,  nhà trường tạo mọi điều kiện thuận lợi, động viên GV, NV có điều kiện tham gia học tập sau Đại học để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Tiếp tục trang bị những kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ cho GV, NV nhất là kĩ năng ứng dụng CNTT cho GV lớn tuổi để  có thể đảm bảo thực hiện phương pháp giảng dạy hiện đại, tiên tiến đáp ứng yêu cầu phát triển GD & ĐT trong tình hình mới.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục**

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường căn cứ vào Quyết định số 16/2006/QĐ-BGĐT ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng BGD& ĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông; Thông tư số 32/2018/TT-BGD ĐT ngày 26/12/2018; Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học; Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của Sở GD&ĐT tỉnh Trà Vinh, Phòng GD&ĐT huyện Châu Thành để xây dựng Kế hoạch giáo dục của nhà trường phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường đối với từng hoạt động giáo dục [H1-1.1-02]; [H1-1.8-01].

Kế hoạch giáo dục của trường hằng năm được thực hiện đầy đủ nội dung bao gồm các hoạt động giáo dục trong giờ lên lớp và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp [H1-1.8-01].

Vào cuối học kỳ I và cuối năm học, nhà trường có tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giáo dục, đồng thời điều chỉnh, bổ sung nhằm để trong thời gian tới thực hiện hiệu quả hơn [H1-1.8-02].

Mức 2:

Trong nhiều năm qua, các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục được Sở GD&ĐT, Phòng GD&ĐT kết luận đạt hiệu quả qua các lần thanh tra, kiểm tra [H1-1.8-03].

**2. Điểm mạnh**

Kế hoạch giáo dục phù hợp với kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường, BGH lãnh đạo thực hiện đầy đủ các nội dung kế hoạch đề ra; Được cơ quan quản lý cấp trên đánh giá đạt hiệu quả. BGH thường xuyên có các biện pháp theo dõi, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động giáo dục, quản lý học sinh của giáo viên.

**3. Điểm yếu**

Kinh nghiệm xây dựng các hoạt động giáo dục của một số giáo viên còn hạn chế, nội dung chưa phong phú.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường duy trì và thực hiện tốt mọi hoạt động. Tiếp tục xây dựng nội dung kế hoạch hoạt động sát với thực tế từng năm học. Tăng cường công tác rà soát các biện pháp quản lý để điều chỉnh kịp thời theo thực tiễn.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở**

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm nhà trường xây dựng dự thảo kế hoạch năm học, quy chế làm việc của trường, quy tắc ứng xử, quy chế chi tiêu nội bộ. Các kế hoạch được CBQL, GV, NV tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến. Nhà trường phát huy dân chủ của tập thể trong việc tham gia đóng góp ý kiến của tập thể, cá nhân(theo quy định tại Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của nhà trường, ban hành kèm theo Nghị định 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập,  Thông tư số 11/2020/TT-BGDĐT ngày 19/5/2020 Hướng dẫn thực hiện dân chủ trong hoạt động của các cơ sở giáo dục) [H1-1.9-01].

Trong 5 năm qua, nhà trường không vi phạm quy chế dân chủ, không có trường hợp khiếu nại, tố cáo, kiến nghị phản ánh của cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh học sinh [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03].

Hàng năm nhà trường có báo cáo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ, có công khai hóa trong phiên họp hội đồng và niêm yết ba công khai trên bảng tin; Ban thanh tra nhân dân xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và có báo đánh giá việc thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện qui chế dân chủ của nhà trường.[H1-1.1-09]; .[H1-1.1-10]; [H1-1.9-04]

Mức 2:

Ban thanh tra nhân dân có xây dựng kế hoạch giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ của trường. Định kì có báo cáo kết quả kiểm tra giám sát với hội đồng trường [H1-1.9-06].

**2. Điểm mạnh**

Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng các kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường.

Hằng năm, nhà trường có báo cáo định kỳ về việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Không xảy ra khiếu nại, khiếu tố vượt cấp.

**3. Điểm yếu**

Giáo viên chưa có nhiều ý kiến đóng góp cho giải pháp kế hoạch năm học hàng năm.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục đẩy mạnh việc chỉ đạo, thực hiện quy chế dân chủ trong trường học. Quán triệt hơn nữa đến  mỗi CB, GV, NV về quy chế thực hiện dân chủ. Khuyến khích giáo viên đóng góp nhiều giải pháp hơn nữa để kế hoạch năm học thực hiện đạt hiệu quả cao nhất.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học**

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; Kế hoạch vệ sinh an toàn thực phẩm[H1-1.10-02], kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích [H1-1.10-03], kế hoạch phòng cháy chữa cháy[H1-1.10-04] , kế hoạch phòng tránh dịch bệnh ở người [H1-1.10-05], kế hoạch phòng chống các tệ nạn xã hội [H1-1.10-06]và kế hoạch phòng chống bạo lực học đường và tổ chức thực hiện nghiêm túc các kế hoạch đã đề ra. [H1-1.10-07].

Nhà trường có trang bị hộp thư góp ý để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân, đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và HS trong nhà trường [ H1-1.10-08]. Hàng năm nhà trường được công nhận trường học an toàn an ninh trật tự [ H1-1.10-09].

Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới, bạo lực. Tập thể sư phạm nhà trường luôn đoàn kết, quan tâm giúp đỡ nhau trong mọi công việc. Học sinh ngoan ngoãn, lễ phép, đoàn kết, hòa nhã với bạn bè. Trong các buổi sinh hoạt dưới cờ TPT Đội luôn kịp thời nhắc nhỡ, giáo dục học sinh về bạo lực học đường, bình đẳng giới. [H1-1.10-10].

Mức 2:

Định kỳ, nhà trường tổ chức phổ biến cho CB, GV, NV và HS  về vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường,… [ H1-1.10-11].

Nhà trường có phân công giáo viên phụ trách hòm thư góp ý, để kiểm tra hàng tuần, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, kịp thời nắm bắt các biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự  và báo cáo hiệu trưởng xử lý. Nâng cao sự phối hợp giữa nhà trường với cha mẹ học sinh và các tổ chức ngoài nhà trường, đặc biệt là cơ quan công an để khi phát hiện có các hiện tượng liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự  có biện pháp ngăn chặn kịp thời [ H1-1.10-08];[ H1-1.10-11].

**2. Điểm mạnh**

 Nhà trường thường xuyên tuyên truyền và thực hiện tốt công tác đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực đến toàn thể CB, GV, NV và học sinh. Nhà trường không có hiện tượng kỳ thị, vi phạm về giới.

**3. Điểm yếu**

Một số học sinh chưa nắm bắt hết nội dung tuyên truyền.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 – 2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, tổ chức tập huấn cho CB, GV về công tác phòng chống cháy nổ, công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, bình đẳng giới… để trang bị các kiến thức và kỹ năng sống cho các em trong các nội dung như: vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn phòng chống cháy nổ; an toàn phòng chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng chống các tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 1:**

Trường tiểu học Đa Lộc A có đủ cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Các tổ chức đoàn thể, Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đội TNTPHCM, các tổ chuyên môn thường xuyên phối hợp trong công việc, hoạt động đồng bộ theo sự lãnh đạo của chi bộ. Trong quá trình hoạt động, các đoàn thể trong nhà trường đã có sự liên kết, hỗ trợ lẫn nhau một cách tích cực. Các bộ phận xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo đúng chức năng quyền hạn của tổ chức mình. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng hoạt động theo đúng kế hoạch, tổ chức sinh hoạt đều đặn theo định kỳ, thường xuyên kiểm tra, đánh giá chất lượng và hiệu quả hoạt động giáo dục của các thành viên trong tổ, thực hiện tốt nhiệm vụ.

 Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các hoạt động năm học và kế hoạch bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho CB, GV, NV. Nhà trường thực hiện đầy đủ chế độ thông tin và báo cáo theo yêu cầu với các cơ quan có chức năng và thẩm quyền. Hoạt động của các tổ chức trong trường dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai minh bạch nên không xảy ra mất đoàn kết nội bộ và được đánh giá tốt trong nhiều năm liền.

Trường có các phương án và thực hiện tốt để đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh, chủ động sáng tạo trong việc xây dựng kế hoạch phát triển của nhà trường. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đạt hiệu quả cao trong mọi lĩnh vực.

Nhà trường chưa có kế hoạch dài hạn, trung hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp cho nhà trường.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/10 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 10/10 (10/10) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: Đạt Mức 3: 9/10 (3/4) tiêu chí chiếm 90 %

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý trong nhà trường có đủ năng lực để triển khai các hoạt động giáo dục. Trường có đủ số lượng CB, GV, NV theo quy định. Đội ngũ GV, NV có trách nhiệm trong công tác, luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tất cả GV đều có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, có tay nghề vững vàng, tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Học sinh của nhà trường đều được bảo vệ, chăm sóc và đối xử bình đẳng; học sinh chăm ngoan, thực hiện tốt 5 nhiệm vụ của người học sinh.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học và Thông tư số 14/2018/TT – BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT ban hành quy định chuẩn Hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.Hiệu trưởng có 33 năm công tác, trong đó có 9 năm dạy học, 08 năm làm công tác chuyên viên Phòng Giáo dục, 16 năm làm công tác quản lý, được Chủ tịch UBND huyện Châu Thành bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường tiểu học Đa Lộc A theo Quyết định số 2720/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023. [H1-1.4-01]. Hai Phó hiệu trưởng đều có 30  năm công tác, trong đó có 30 năm dạy học, vừa được Chủ tịch UBND huyện Châu Thành bổ nhiệm chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Đa Lộc A theo Quyết định số  2706/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 và Quyết định số  2707/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 [H1-1.4-02].

Hàng năm Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT. [H2-2.1-01]; [H2-2.1-02].

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục do Sở Giáo dục, Phòng Giáo dục quy định. [H2-2.1-03]; [H2-2.1-04].

Mức 2:

Hằng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học đạt từ khá trở lên. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT (từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023), Hiệu trưởng được đánh giá ở mức khá trở lên, Riêng năm 2021-2022 được đánh giá ở mức tốt [H2-2.1- 01], [H2-2.1-02]

Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng đều được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị do Trung tâm Chính trị tổ chức. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đều có bằng trung cấp lý luận chính trị. [H2-2.1- 03]; [H2-2.1- 04]. Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được giáo viên và nhân viên trong trường tín nhiệm [H2- 2.1- 05].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT (năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023), Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được đánh giá theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng trường tiểu học đạt từ khá trở lên. Trong đó, Hiệu trưởng được đánh giá ở mức tốt năm học 2021-2022 [H2-2.1-01], [H2-2.1-02]

**2. Điểm mạnh**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đạt chuẩn theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức  khá trở lên, trong đó có 01 năm học được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị theo quy định.

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao.

**3. Điểm yếu**

Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng tiếp tục phối hợp chặt chẽ hơn với các bộ phận trong nhà trường, ban đại diện cha mẹ học sinh và các đoàn thể nhằm giữ vững kết quả đạt được. Hằng năm, tổ chức đánh giá chuẩn Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng theo Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018. Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao tay nghề và năng lực quản lý trường học. Tham mưu UBND huyện Châu Thành để Phó hiệu trưởng tham gia các lớp bồi dưỡng cán bộ quản lý do cấp trên tổ chức.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; có giáo viên làm Tổng phụ trách Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên để đảm bảo dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Trường có 70 GV trực tiếp giảng dạy 39 lớp đạt tỷ lệ 1,82 giáo viên/lớp. [H1-1.7- 03]. Có 01 giáo viên làm Tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, được bổ nhiệm theo Quyết định số 650/QĐ-PGDĐT, ngày 19/9/2017 của  Phòng Giáo dục và đào tạo Châu Thành [H2-2.2-01].

Trường có 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định. Trong đó trình độ đại học: 66 GV, cao đẳng:03 GV, trung cấp: 01 GV [H2-2.2- 02].

Nhà trường tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT của Bộ GD &ĐT hàng năm có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. [H2-2.2-03]

Năm học 2018-2019: Tốt: 02/ 43- tỉ lệ 4,6%; Khá: 41/43- tỉ lệ 95,4%.

Năm học 2019-2020: Tốt: 6/73- tỉ lệ 8%; Khá: 67/73- tỉ lệ 92%.

Năm học 2020- 2021: Tốt: 41/70- tỉ lệ 59,0%; Khá: 21/70- tỉ lệ 30,0%, Đạt: 8/70- tỉ lệ 11,0%.

Năm học 2021-2022: Tốt: 47/69- tỉ lệ 68,0%; Khá: 22/69- tỉ lệ 32,0%.

Năm học 2022-2023: Tốt: 57/70- tỉ lệ 81,0 %; Khá 13/70- tỉ lệ 19,0%.

Mức 2:

Số giáo viên đạt trênchuẩn trình độ đào tạo là 69/70 GV, đạt tỷ lệ 98,5 %. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023) tỷ lệ giáo viên đạt trình độ đào tạo cao đẳng, đại học, cụ thể như sau: Năm học 2018-2019: 72/73 giáo viên, đạt 98,6%; Năm học 2019-2020: 71/72 giáo viên, đạt 98,6%; Năm học 2020-2021: 70/71 giáo viên , đạt 98,6%; Năm học 2021-2022: 68/69 giáo viên, đạt 98,6%; Năm học 2022-2023: 69/70 giáo viên, đạt 98,6% [H2-2.2-04].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023) có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên. Trong đó có trên 90% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên theo quy định ở Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo [H2-2.2-05].

Hằng năm, nhà trường thường xuyên tổ chức triển khai, quán triệt các văn bản cấp trên, Luật viên chức, Luật phòng chống tham nhũng, Điều lệ trường Tiểu học, nên trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên[H2-2.2- 06 ].

Mức 3:

Số giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo là 69/70 GV, đạt tỷ lệ 98,6% [H2-2.2- 03].

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023) có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên. Trong đó có trên 40% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo quy định ở Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo [H2-2.2- 06].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

Nhà trường có trên 98 % giáo viên có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn theo quy định.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 40%  đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học.

**3. Điểm yếu**

Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Bắt đầu từ năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì đủ số lượng GV đảm bảo để để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Trong từng năm học, Hiệu trưởng tổ chức triển khai cho GV nghiên cứu sâu Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GV trường tiểu học, để từng GV tự rèn luyện theo chuẩn để nâng cao trình độ chuyên môn và đánh giá xếp loại đồng nghiệp chính xác hơn. Hiệu trưởng theo dõi kiểm tra để việc phân loại GV có hiệu quả và chất lượng đúng thực chất. Duy trì tỉ lệ 100% GV được xếp loại Khá trở lên theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học. Hằng năm hiệu trưởng có kế hoạch, khuyến khích giáo viên học tập để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tăng cường tham gia các lớp tập huấn do các cấp tổ chức, xây dựng kế hoạch nâng cao trình độ đào tạo đúng theo lộ trình, khuyến khích giáo viên trẻ tham gia các lớp sau đại học.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có 01 NV Kế toán, 01 NV bảo vệ, 01 NV tạp vụ hợp đồng theo Nghị định 111 và có giáo viên kiêm nhiệm hành chính, y tế, thư viện, thiết bị, thủ quỹ do Hiệu trưởng phân công [H1-2.3- 01].

Việc phân công, sử dụng nhân viên được nhà trường công khai và phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực của từng nhân viên. Nhân viên kế toán có bằng đại học Kế toán- tài chính, đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ tài chính- kế toán của nhà trường. Nhân viên bảo vệ có nhiệm vụ bảo vệ tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường, ngăn ngừa kẻ gian xâm nhập. Nhân viên Tạp vụ thực hiện nhiệm vụ giữ vệ sinh khuôn viên nhà trường luôn sạch sẽ, chuẩn bị phòng họp, nước uống khi có khách đến liên hệ làm việc. Nhắc nhở học sinh giữ vệ sinh sân trường, đảm bảo khu vệ sinh luôn sạch sẽ. Nhà trường không có nhân viên văn thư, y tế, thủ quỹ, thư viện, thiết bị, mà các chức danh này do giáo viên kiêm nhiệm[H2-2.3- 02].

Các nhân viên nhà trường luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, được đảm bảo đầy đủ các chế độ, chính sách theo quy định. Cuối năm học được đánh giá xếp loại viên chức Hoàn thành Tốt nhiệm vụ trở lên [H2-2.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12/7/2017 của Bộ Giáo dục và đào tạo [H2-2.3-02].

Các nhân viên của trường có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá (từ năm học 2018 – 2019 đến năm học 2022 – 2023) không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H2-2.2-06].

Mức 3:

Nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn đại học. Các chức danh y tế, thủ quỹ, hành chính, thư viện, thiết bị do giáo viên kiêm nhiệm [H2-2.3- 04].

Hàng năm các nhân viên kế toán, y tế, thư viện, thiết bị… đều được tham gia tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ do Phòng giáo dục tổ chức. [H2-2.3-04]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có nhân viên kế toán, bảo vệ, tạp vụ đúng chuyên môn có trách nhiệm trong việc, thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Nhân viên của nhà trường luôn được quan tâm và đảm bảo các chế độ chính sách theo quy định.

**3. Điểm yếu**

Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo nhà trường tham mưu với Phòng GD&ĐT huyện Châu Thành để có đủ số lượng nhân viên theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT, ngày 12/7/2017 của Bộ GD&ĐT quy định. Tiếp tục đưa giáo viên kiêm nhiệm công tác y tế học đường, thư viện,thiết bị tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ để có những kiến thức cơ bản phục vụ công việc. Tham mưu với Phòng GD&ĐT báo cáo về UBND huyện sớm hoàn thành hồ sơ chuyển chức danh nghề nghiệp cho nhân viên kế toán.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

a) Đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định.

b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường đảm bảo về độ tuổi học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học (TT28) không có HS dưới 6 tuổi tuyển sinh vào lớp 1 và không có học sinh trên 14 tuổi chưa hoàn thành chương trình tiểu học [H2-2.4-01].

Học sinh nhà trường đều thực hiện đầy đủ 5 nhiệm vụ của học sinh theo quy định ở Điều 34 của Điều lệ trường tiểu học (TT28) như: Học tập, rèn luyện theo kế hoạch giáo dục, nội quy của nhà trường. Học sinh thực hiện đầy đủ và hiệu quả nhiệm vụ học tập, rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè. Các em luôn chấp hành nội quy trường , lớp; bảo vệ tài sản nhà trường và nơi công cộng; chấp hành trật tự an toàn giao thông; giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường. Thành tích học tập và rèn luyện của các em, đã góp phần vào các hoạt động xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường, địa phương. [H2-2.4- 02].

Trong suốt thời gian học tại trường, tất cả HS của trường đều được đảm bảo các quyền theo quy định, được chăm sóc, tôn trọng, đối xử bình đẳng, tham gia các hoạt động GD, được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định theo Điều 35 của Điều lệ trường tiểu học (TT28) [H2-2.4- 04].

Mức 2:

Học sinh được giáo dục thông qua các tiết sinh hoạt dưới cờ, sinh hoạt lớp và ở các môn học khác, qua đó học sinh nhận thức được nhiệm vụ và các hành vi không được làm ở Điều 34 và 37 của Điều lệ trường tiểu học (TT28) nên ít có học sinh vi phạm nội qui [H2-2.4- 05].

Mức 3:

Học sinh của nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ học tập và rèn luyện, đạt nhiều thành tích trong học tập, trong các hội thi của trường và cấp trên tổ chức. Chất lượng giáo dục học sinh của từng lớp, của toàn trường cũng tiến bộ qua từng giai đoạn trong năm học, từ đó có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường thông qua các cuộc thi Vio.edu “ Đấu trường toán học”, IOE, giao lưu “Viết đúng – Viết đẹp”, Kể chuyện sách, Hoa phượng đỏ… [H2-2.4-06].

**2. Điểm mạnh**

- Nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học.

- Trường có 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định tại Điều 34 và 35 của Điều lệ trường tiểu học.

- Học sinh biết nhận thức được những việc làm chưa đúng nên ít có học sinh vi phạm.

- Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một số em có hiện tượng tăng động, chậm phát triển trí tuệ nên việc chăm sóc, giáo dục của giáo viên gặp nhiều khó khăn. Một số học sinh tính quá hiếu động, hay vui chơi và đùa nghịch quá mức cho phép, chưa mạnh dạn tham gia các hoạt động trong nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 -2024 và những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền trong cộng đồng và phối hợp tốt với các ban ngành đoàn thể địa phương nhằm duy trì công tác tuyển mới HS lớp 1 luôn đúng độ tuổi và hạn chế tối đa HS lưu ban cuối năm học để luôn đảm bảo độ tuổi của HS đúng quy định. Hiệu trưởng chỉ đạo TPT Đội, GVCN thường xuyên nhắc nhỡ việc thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh theo quy định; thực hiện tốt nội quy học sinh, kịp thời phát hiện những học sinh vi phạm nội qui để có biện pháp giáo dục kịp thời. Tranh thủ sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, đoàn thể, các Mạnh Thường Quân để hỗ trợ, giúp đỡ các HS hộ nghèo, hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách,... giúp các em khắc phục khó khăn, vươn lên học tốt.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 2:**

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng của nhà trường đạt chuẩn theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức  khá trở lên, trong đó có 01 năm học được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt. Hiệu trưởng được bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, quản lý giáo dục, lý luận chính trị theo quy định và được tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm cao.

Nhà trường có đủ số lượng giáo viên đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động giáo dục theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học. Nhà trường có 100% giáo viên có trình độ chuyên môn đạt trên chuẩn theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có trên 40% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt theo Quy định về Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học. Các nhân viên của trường được phân công nhiệm vụ phù hợp, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Nhân viên có trình độ đáp ứng vị trí việc làm. Không có giáo viên và nhân viên bị kỷ luật.

 Nhà trường đảm bảo về tuổi học sinh tiểu học theo quy định tại Điều 33 của Điều lệ trường tiểu học. Có 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ và được đảm bảo các quyền theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp, của trường.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + Không đạt: 0/4 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 4/4 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Trường có cơ sở vật chất cơ bản đầy đủ, phục vụ tốt cho hoạt động dạy và học: có khuôn viên, cổng trường, biển trường, tường rào bảo vệ, sân chơi theo quy định của Điều lệ trường tiểu học; có phòng chức năng phục vụ cho công tác dạy và học với công tác hành chính; có nhà vệ sinh cho giáo viên và HS, có gắn bảng phân biệt nhà vệ sinh nam, nhà vệ sinh nữ riêng biệt; có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; có các thiết bị dạy học, đồ dùng dạy học được GV sử dụng thường xuyên và có hiệu quả. Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học. Hằng năm nhà trường thường xuyên thực hiện các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và trang thiết bị giáo dục hiện có nhằm góp phần nâng cao chất lượng hoạt động dạy và học.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;

c) Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.

Mức 2:

a) Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;

b) Sân chơi, sân tập đảm bảo cho học sinh luyện tập thường xuyên và hiệu quả.

Mức 3:

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Khuôn viên nhà trường thoáng mát, đảm bảo xanh, sạch, đẹp và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục [H3-3.1-01].

Cổng trường được làm kiên cố, rộng rãi, biển tên trường đảm bảo yêu cầu theo nội dung quy định đạt theo Tiêu chuẩn Điều lệ trường Tiểu học [H3-3.1-02].

Trường có sân chơi bằng phẳng đảm bảo cho HS vui chơi thoải mái nhưng nhà trường chưa có sân tập theo quy định. Do vậy, trường đã dùng sân chơi làm sân tập thể dục cho HS. [H3-3.1-01].

Mức 2:

Trường có diện tích mặt bằng 12 393,4 m2/ 1203 học sinh, đạt 10, 3m2/ học sinh, diện tích sân chơi là 7663,4 m2. Diện tích khuôn viên đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793:2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học [H3-3.1-03].

Diện tích sân chơi, sân tập đạt theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 8793: 2011 về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.[H3-3.1-01].

Mức 3:

Sân chơi bằng phẳng, có cây bóng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi, đảm bảo các yêu cầu sạch, đẹp, thoáng theo quy định [H3-3.1-04].

**2. Điểm mạnh**

- Khuôn viên nhà trường thoáng mát, có cây xanh, sạch, đẹp và an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Cổng trường được làm kiên cố, rộng rãi, biển tên trường đảm bảo yêu cầu theo nội dung quy định Điều lệ trường Tiểu học về yêu cầu thiết kế trường tiểu học.

- Trường có sân chơi bằng phẳng đảm bảo cho HS vui chơi thoải mái.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa có bãi tập riêng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hiệu trưởng chỉ đạo nhân viên bảo vệ nhà trường tiếp tục chăm sóc tốt các cây xanh và hoa kiểng trong sân trường làm cho cảnh quan sân trường ngày càng Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn hơn. Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với PGD & ĐT Châu Thành đầu tư bãi tập cho nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;

b) Bàn, ghế học sinh đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho học sinh; có bàn ghế phù hợp cho học sinh khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế giáo viên, bảng lớp theo quy định;

c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế học sinh theo quy định.

Mức 3:

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu (nếu có).

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có 39 phòng học/39 lớp học, diện tích mỗi phòng học là 64 m2 đạt tiêu chuẩn theo quy định [H3-3.2-01].

Trường có 642 bộ bàn ghế 2 chỗ ngồi đúng quy cách dành cho HS Tiểu học, mỗi phòng có 16 đến 18 bộ bàn ghế đảm bảo đủ chỗ ngồi cho HS; có bàn, ghế cho GV đúng quy định; Trong mỗi lớp học được trang bị 01 bảng chống lóa kích thước 120cm x 300cm, màu xanh, cách treo bảng trong lớp đảm bảo đúng quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế [H3-3.2-02].

Trong mỗi phòng học có hệ thống đèn và quạt đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho HS ngồi học; Bàn ghế bằng gỗ, có kích thước, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đúng theo quy định (Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT). Mỗi lớp có 1 tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học. [H3-3.2-03].

Mức 2:

Diện tích mỗi phòng học là 64 m2 đạt tiêu chuẩn theo quy định, phòng học có đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh. [H3-3.2-01]; [H3-3.2-04].

Mỗi lớp có 01 tủ đựng thiết bị dạy học, có đủ các thiết bị cần thiết để phục vụ công tác dạy học [H3-3.2-05].

Phòng học có bàn ghế bằng gỗ, có kích thước, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đúng theo quy định (Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT)[H3-3.2-06].

Mức 3:

Trường có 01 phòng giáo dục nghệ thuật, phòng dạy tin học; phòng dạy ngoại ngữ … đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục [H3-3.2-07].

**2. Điểm mạnh**

- Trong nhiều năm qua, trường đã luôn chú trọng sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, cơ sở vật chất - trang thiết bị phục vụ việc dạy và học có hiệu quả. Trường có đủ các phòng học cho các khối lớp, bảo đảm đúng diện tích theo qui định, phòng học có trang bị đủ đèn, quạt cho học sinh.

- Trường có trang bị đầy đủ số lượng bàn ghế 2 chỗ ngồi cho tất cả 39 phòng học. Bàn ghế bằng gỗ, có kích thước, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc đúng theo quy định. Trong mỗi phòng học có thiết bị giảng dạy đúng theo quy định.

- Kích thước, màu sắc, cách treo bảng trong lớp học đúng quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế. Cách bố trí không gian lớp học hài hòa, khoa học.

**3. Điểm yếu**

- Tuy bàn ghế đúng quy cách, đủ số lượng, nhưng do sử dụng nhiều năm nên nhiều bàn ghế đã bị hỏng nhiều cần sửa chữa thay thế mới.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục sắp xếp, bố trí phòng học, bàn ghế, thiết bị trong phòng học,... đúng quy định. Tiếp tục tăng cường công tác bảo quản tốt trang thiết bị và bàn ghế,... sử dụng tốt đúng quy định. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của GV và HS trong việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị phòng học. Phòng học luôn giữ gìn vệ sinh, sắp xếp ngăn nắp thuận lợi cho việc tổ chức các hình thức dạy học trên lớp. Hiệu trưởng chỉ đạo cán bộ phụ trách quản lý cơ sở vật chất nhà trường thường xuyên kiểm tra, nắm bắt kịp thời những trang thiết bị hư hỏng để có kế hoạch sửa chữa, mua sắm, bổ sung nhằm đảm bảo đủ thiết bị để sử dụng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường có khối phòng phục vụ học tập: Phòng giáo dục nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị giáo dục, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng yêu cầu tối thiểu cho các hoạt động giáo dục tại trường [H3-3.3-01].

Nhà trường có khối phòng hành chính - quản trị: 01 phòng Hiệu trưởng, 01 phòng Phó hiệu trưởng; có 01 phòng họp; có 01 văn phòng; 01 phòng y tế học đường; 05 phòng giáo viên, 01 nhà kho và 02 phòng bảo vệ đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường [H3-3.3-02].

Nhà trường có 4 khu để xe dành cho giáo viên và học sinh được bố trí hợp lí, đảm bảo an toàn, trật tự [H3-3.3-03].

Mức 2:

Nhà trường có đầy đủ khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính quản trị có diện tích đạt theo Tiêu chuẩn về yêu cầu thiết kế trường tiểu học; các phòng  được trang bị đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động giáo dục và hành chính- quản trị của nhà trường [H3-3.2-04].

Nhà trường có 15 cái tủ dùng để lưu trữ hồ sơ và tài liệu chung, đảm bảo đủ lưu trữ và khoa học [H3-3.3-05].

Mức 3:

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có khá đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường [H3-3.3-04].

**2. Điểm mạnh**

- Khối phòng phục vụ học tập; khối phòng hành chính - quản trị của trường có đầy đủ các thiết bị, sắp xếp hợp lí, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động trong nhà trường.

- Nhà trường có nơi để lưu trữ hồ sơ và tài liệu chung, đảm bảo đủ lưu trữ và khoa học.

**3. Điểm yếu**

- Trường chưa xây dựng kho lưu trữ hồ sơ riêng.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong từng năm học, nhà trường tiếp tục sắp xếp duy trì đủ khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính quản trị đảm bảo đủ phục vụ cho công tác dạy và học. Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng tiếp tục tham mưu với Phòng GD&ĐT huyện Châu Thành sửa chữa một số phòng học đã xuống cấp, Chỉ đạo văn thư sắp xếp lưu trữ hồ sơ vào kho lưu trữ.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Trường có khu nhà vệ sinh cho CB, GV, NV riêng biệt cho học sinh nam, nữ; đảm bảo không ô nhiễm môi trường; Khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H3-3.4-01].

Trường có hệ thống cống thoát nước thông thoáng; trường có nguồn nước giếng khoan đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS [H3-3.4-02].

Trường có hợp đồng với công ty vệ sinh thu gom rác, từng lớp học có trang bị sọt rác để học sinh và giáo viên sử dụng. Nhân viên phục vụ thực hiện vệ sinh khuôn viên, sân trường, TPT Đội thường xuyên phát động học sinh hưởng ứng, tham gia các phong trào vệ sinh, các tiết lao động từ đó góp phần làm sạch, đẹp cảnh quan nhà trường [H3-3.4-03]; [H3-3.4-04]; [H3-3.4-05]

Mức 2:

Tất cả các khu vệ sinh trong trường đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định của Bộ GD & ĐT và Bộ y tế theo quy định Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 8793:2011, có bệ xí đảm bảo đủ cho học sinh sử dụng, luôn sạch sẽ không gây ảnh hưởng môi trường. [H3-3.4-01].

Trường có nguồn nước giếng khoan đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS có nhiều vòi rửa tay và xà phòng để HS sử dụng, Hệ thống cống thoát nước xung quanh trường đảm bảo thông thoáng, Việc thu gom rác thải hàng ngày được công ty vệ sinh thu gom đúng hợp đồng. [H3-3.4-02]; [H3-3.4-03].

**2. Điểm mạnh**

Trường có đủ khu vệ sinh cho GV và HS, Khu vệ sinh của GV, HS được phân biệt nam, nữ riêng biệt, hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh, đảm bảo đủ nước sạch cho GV và HS sinh hoạt, có hợp đồng với Công ty vệ sinh thu gom rác, đảm bảo vệ sinh môi trường.

**3. Điểm yếu**

Nguồn nước sạch cho học sinh uống hằng ngày, hiện nay nhà trường chưa cung cấp đủ cho tất cả các điểm, mà học sinh phải mang theo sử dụng, do kinh phí còn hạn hẹp.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hàng năm, Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo TPT Đội phân công các lớp trực vệ sinh, chú ý không để rác thải rơi xuống cống thoát nước. Nhắc nhở HS luôn giữ vệ sinh môi trường. Hợp đồng với Công ty cấp thoát nước cung cấp nguồn nước sạch cho nhà trường, trang bị thêm máy lọc nước để học sinh có nguồn nước sạch sử dụng; Giáo dục học sinh biết bảo quản nguồn nước sạch, biết vệ sinh đúng cách, biết rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường trang bị đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường. Trường có 09 máy tính để bàn và 01 máy tính xách tay, 02 máy chiếu, 09 máy in phục vụ cho công tác quản lí và giảng dạy. Có 2 máy cassette dùng cho dạy âm nhạc và 05 bộ bluetooth để dạy tiếng Anh, 02 giàn âm thanh phục vụ hoạt động ngoài trời và trong phòng họp. Có 05 ti vi phục vụ cho học sinh học tập. Thiết bị được quản lý trên phần mềm thiết bị [H1-1.4-10]; [H3-3.5-01].

Nhà trường có đủ thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục. Tuy nhiên, một số thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học được cung cấp đã lâu đến nay đã xuống cấp như tranh ảnh, bảng cài, bộ lắp ghép,…[H3-3.5-02];  [H3-3.5-03].

Cuối năm, nhà trường có tổ chức kiểm kê thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học để rà soát số lượng, đánh giá chất lượng và việc sử dụng, bảo quản thiết bị. Từ đó, nhà trường có kế hoạch sửa chữa, nâng cấp, bổ sung thiết bị văn phòng và thiết bị dạy học cho năm học sau [H3-3.5-04].

Mức 2:

Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối internet cáp quang, có trang bị Wifi tại khu vực hiệu bộ, các phòng học chức năng và phòng hội đồng. Hệ thống Internet của nhà trường đủ đáp ứng được yêu cầu nghiên cứu, khai thác tài liệu ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản lý nhà trường. [H3-3.5-05].

Hằng năm nhà trường lập kế hoạch mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học  đầy đủ, đầu năm học nhân viên thiết bị tiến hành kiểm kê và bàn giao đồ dùng dạy học xuống các lớp, lên kế hoạch mua bổ sung các đồ dùng dạy học còn thiếu theo quy định. [H3-3.5-06]; [H3-3.5-07]

 Việc sử dụng thiết bị dạy học trong các giờ dạy trên lớp và tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên đảm bảo theo quy định. Để khâu bảo quản và sử dụng thiết bị có hiệu quả nhà trường đã chỉ đạo bộ phận thư viện, thiết bị có kế hoạch theo dõi và kiểm tra chặt chẽ khâu mượn, trả đồ dùng dạy học, cập nhật bổ sung thiết bị cũng như theo dõi việc tự làm đồ dùng dạy học của giáo viên [H3-3.5-06] ;[H3-3.5-07]; [H3-3.5-08]

Mức 3:

 Đầu mỗi năm học, căn cứ vào nội dung chương trình dạy học; phương pháp dạy học và danh mục thiết bị của nhà trường, giáo viên lập kế hoạch sử dụng thiết bị, ĐDDH. Nhân viên quản lý thiết bị căn cứ kế hoạch sử dụng thiết bị của giáo viên sắp xếp, bố trí các thiết bị cần thiết để phục vụ. Giáo viên trường rất tích cực sử dụng các thiết bị nhằm phát huy tối đa hiệu quả của bài học, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường [H3-3.5-06]; [H3-3.5-08]

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường quan tâm đầu tư đúng mức trang thiết bị, có ti vi, máy tính xách tay, trang thiết bị dạy học tối thiểu.

Nhà trường có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường; Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học.

Nhà trường có đủ thiết bị tối thiểu phục vụ giảng dạy và học tập đảm bảo quy định tại thông tư số 15/2009/TT-BGDĐT ngày 16/7/2009 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT.

**3. Điểm yếu**

Một số giáo viên lớn tuổi nên việc sử dụng các thiết bị hiện đại chưa tốt. Đồ dùng dạy học của giáo viên tự làm chủ yếu là các thẻ từ, bảng biểu chưa có đầu tư các đồ dùng sáng tạo; Số lượng máy chiếu, ti vi chưa đủ chưa đáp ứng yêu cầu tất cả các lớp trong nhà trường.

 Chưa có nhân viên chuyên trách thiết bị, nhân viên thiết bị kiêm nhiệm nên nghiệp vụ thiết bị còn nhiều hạn chế; việc mua sắm bổ sung thiết bị dạy học hằng năm còn ít.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Hàng năm, Hiệu trưởng có kế hoạch bổ sung, tu sửa thiết bị, đồ dùng dạy học, phát động giáo viên làm đồ dùng dạy học chất lượng. Chỉ đạo chuyên môn mở chuyên đề sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học, để giáo viên sử dụng có hiệu quả các thiết bị, đồ dùng. Chỉ đạo tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, dự giờ đột xuất  để kiểm tra việc sử dụng đồ dùng, thiết bị dạy học của giáo viên và rút kinh nghiệm sau mỗi giờ dạy; Nâng cao chất lượng đường truyền Internet ổn định. Động viên các giáo viên lớn tuổi tự học để sử dụng các thiết bị hiện đại trong dạy học. Tham mưu với Phòng giáo dục đưa giáo viên thiết bị tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thiết bị trường học.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động dạy học;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu hoạt động dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Thư viện nhà trường được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục và các xuất bản phẩm tham khảo đủ để phục vụ hoạt động dạy học [H3-3.6-01]; [H3-3.6-02]

Hàng tuần thư viện có lịch mở cửa; có hệ thống  phần mềm quản lý thư viện, hoạt động của thư viện luôn đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và hoạt động đọc của HS. Tài liệu, sách, báo được bố trí khoa học thuận tiện cho việc GV và HS dễ tìm để mượn tham khảo [H3-3.6-03]; [H3-3.6-04]; [H3-3.6-05].

Thư viện kiểm kê sách hằng năm theo qui định, thường xuyên bổ sung kịp thời các loại đầu sách, báo, tạp chí phục vụ nhu cầu nghiên cứu của GV và HS.[H3-3.6-06]; [H3-3.6-07]; [H3-3.6-08].

Mức 2:

Thư viện nhà trường được công nhận đạt tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học theo Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐTngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo được Phòng GD & ĐT công nhận theo Quyết định số 675/QĐ-PGDĐT, ngày 06/12/2023 Quyết định về việc công nhận Thư viện đạt tiêu chuẩn Mức độ 1 [H3-3.6-09].

Mức 3:

Thư viện của nhà trường chưa đạt chuẩn mức 2 theo thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**2. Điểm mạnh**

Phòng đọc của thư viện đảm bảo diện tích đáp ứng nhu cầu sử dụng phòng đọc của CB, GV, NV và HS. Các tài liệu trong thư viện cơ bản đáp ứng nhu cầu. Hàng năm, thư viện nhà trường đều được đầu tư mua sắm sách, tài liệu tham khảo. Có đủ sách báo theo quy định của thư viện trường học. Phong trào đọc sách tại trường được GV và HS hưởng ứng tích cực. Thư viện được Phòng GD & ĐT kiểm tra công nhận đạt mức độ 1.

Hồ sơ sổ sách quản lý thư viện thực hiện đầy đủ, có phần mềm quản lý thư viện; sách, báo, tài liệu sắp xếp ngăn nắp khoa học, thuận tiện cho việc mượn và trả; đảm bảo phục vụ tốt cho CB,GV, NV và HS.

Hoạt động thư viện đa dạng, phong phú đáp ứng việc học tập và nghiên cứu của toàn thể CB, GV, NV và HS nhà trường.

Hàng năm nhà trường có mua sắm bổ sung thêm sách, báo, thiết bị dạy học và tài liệu tham khảo.

**3. Điểm yếu**

Chưa có nhân viên thư viện chuyên trách, mà chức danh này do giáo viên kiêm nhiệm nên nghiệp vụ; kĩ năng ứng dụng CNTT trong quản lý thư viện của cán bộ thư viện còn hạn chế.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024,  Hiệu trưởng tham mưu với cấp trên để có cán bộ Thư viện đúng chuyên môn. Tiếp tục duy trì và phát huy việc đọc sách, báo một cách đều đặn. Khuyến khích giáo viên, học sinh đọc sách báo ngoài giờ. Tăng cường huy động các nguồn vốn để mua sắm thêm tài liệu tham khảo và sách báo mới để giáo viên và học sinh đến đọc ngày một đông hơn. xây dựng các tủ sách tại giá sách các lớp học do giáo viên chủ nhiệm, cán bộ lớp quản lý, tổ chức đọc sách và theo dõi nhằm cải tiến hoạt động đọc sách trong nhà trường. Hằng năm, tổ chức tốt ngày hội đọc sách, tạo không gian văn hóa đọc trong nhà trường. Xây dựng thư viện đạt chuẩn mức độ 2.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 3:**

Nhà trường có khuôn viên riêng biệt, hệ thống cây xanh và cảnh quan môi trường tốt. Cơ sở vật chất, trang thiết bị đáp ứng được yêu cầu hoạt động dạy-học và giáo dục theo đúng quy định của Điều lệ trường tiểu học. Nhà vệ sinh đủ số lượng đảm bảo sạch sẽ, hệ thống nước đủ cung cấp cho sinh hoạt hằng ngày.

Thư viện, thiết bị hàng năm được bổ sung, trang bị bằng nguồn ngân sách hoạt động của đơn vị và các nguồn tài trợ, xã hội hóa từ cộng đồng. Thư viện, thiết bị phục vụ tốt cho nhu giảng dạy, nhu cầu đọc và học tập của  giáo viên và học sinh.

Thư viện được công nhận đạt chuẩn mức 1 theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chưa có nhân viên thư viện chuyên trách, mà chức danh này do giáo viên kiêm nhiệm công tác thư viện.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/6 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 6/6 (6/6) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 5/6 (4/5) tiêu chí chiếm 83.4 %

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường có kế hoạch cụ thể rõ ràng. Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học tích cực, phù hợp từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, vào đầu năm học nhà trường tổ chức họp cha mẹ học sinh các lớp để bầu ra Ban đại diện CMHS theo lớp, Ban đại diện CMHS của mỗi lớp có 3 thành viên trong đó có 1 trưởng ban, 1 phó trưởng ban và 1 thành viên [H4-4.1-01]; Tiếp theo nhà trường tiến hành Hội nghị CMHS toàn trường để bầu ra Ban đại diện CMHS trường, Ban đại diện CMHS trường gồm trưởng ban 1 trưởng ban, 5 phó trưởng ban đại diện của 5 điểm học, 1 thủ quỷ và các thành viên. Ban đại diện CMHS lớp, trường luôn hoạt động theo đúng Điều lệ Ban đại diện CMHS do Bộ GD & ĐT ban hành. Nhiệm kỳ hoạt động của ban đại diện CMHS trường, lớp là 01 năm [H4-4.1-02].

Trong mỗi năm học, Ban đại diện CMHS của trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động và triển khai kế hoạch đến tất cả phụ huynh của toàn trường [H4-4.1-03].

Ban đại diện CMHS đã cụ thể hóa kế hoạch hoạt động của năm học, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên và tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch đề ra, định kỳ có báo cáo đánh giá việc thực hiện kế hoạch [H4-4.1-04].

Mức 2:

Ban đại diện CMHS luôn trao đổi với lãnh đạo nhà trường và các đoàn thể trong việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục. Vào đầu năm học, kết thúc học kỳ I, kết thúc năm học và trong những trường họp đột xuất, nhà trường đều tổ chức họp Ban đại diện CMHS để trao đổi thông tin hai chiều về công tác giáo dục học sinh, công tác quản lý của nhà trường, giải quyết các kiến nghị của CMHS, góp ý kiến cho hoạt động của ban đại diện CMHS. Trong các cuộc họp Ban đại diện CMHS luôn làm tốt công tác tuyên truyền để phụ huynh hiểu về luật giáo dục, các chế độ chính sách liên quan đến quyền và nghĩa vụ của HS; Ban đại diện CMHS có phối hợp với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phổ cập huy động học sinh đến trường, vận động học sinh bỏ học trở lại lớp [H4-4.1-05]; [H4-4.1-06]; [H4-4.1-07].

Mức 3:

Ban đại diện CMHS của lớp, của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 và Điều 6 của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh [H4-4.1-08], [H4-4.1-09].

**2. Điểm mạnh**

Đảm bảo về cơ cấu tổ chức Ban đại diện CMHS các lớp và trường. Tổ chức các cuộc họp định kì. Báo cáo các thông tin cần thiết. Xây dựng tốt mối quan hệ phối hợp. Ban giám hiệu trường phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện CMHS nên các hoạt động của Ban đại diện CMHS đều mang lại hiệu quả cao như: hỗ trợ kinh phí xây dựng cải tạo CSVC, hỗ trợ hoạt động dạy học và các hội thi phong trào. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường và các lớp đều nhiệt tình, tâm huyết, nắm chắc Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh để hoạt động.

**3. Điểm yếu**

Một vài phụ huynh ở các lớp còn vắng mặt trong các cuộc họp, do đi àm ăn xa không tranh thủ được thời gian.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong từng năm học, Hiệu trưởng tiếp tục tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất đúng quy định với Ban đại diện CMHS nhằm để trao đổi thông tin hai chiều trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục. Ngoài ra, trong các cuộc họp cần sắp xếp thời gian hợp lí để CMHS tham dự đầy đủ nhất hoặc có thể trao đổi thông tin qua điện thoại đối với những phụ huynh vắng mặt. Đặc biệt cần tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên chủ nhiệm và người thân trong gia đình học sinh có phụ huynh đi làm ở xa để có biện pháp giáo dục kịp thời và hiệu quả.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Vào đầu năm học hằng năm, nhà trường có chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc về kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhà trường theo từng năm học [H1-1.7-06].

Trong từng năm học, thông qua các buổi họp phụ huynh và các buổi họp báo tuần ở địa phương nhà trường có tuyên truyền việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường [H4-4.2-01].

Hằng năm, nhà trường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện, theo quy định của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ khen thưởng HS có thành tích bật, hỗ trợ HS có hoàn cảnh khó khăn và tăng thêm một số phương tiện, thiết bị dạy học [H2-2.4-04].

Mức 2:

Nhà trường có chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc về kế hoạch và biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường giai đoạn 2020-2025,  các ban ngành địa phương cũng phối hợp tốt với nhà trường trong thực hiện nhiệm vụ [H4-4.2-02]; [H4-4.2-03].

Hằng năm, vào các ngày lễ kỉ niệm như ngày 26/3, 30/4, 20/11, 22/12,... thông qua các hoạt động giáo dục NGLL, nhà trường phối hợp với Đoàn Thanh niên, TPT Đội tổ chức thăm viếng gia đình chính sách, người có công trên địa bàn xã Đa Lộc [H4-4.2-04];  Phối hợp với công an xã Đa Lộc, trạm Y tế xã,... để giáo dục học sinh về đạo đức lối sống, pháp luật, An toàn giao thông, sức khỏe học đường,... Trong những lần tổ chức, nhà trường luôn chú trọng đến chương trình thực hiện với nhiều nội dung và hình thức đa dạng, phong phú [H4-4.2-05]; H4-4.2-06].

Mức 3:

Trong từng năm học, nhà trường thực hiện có hiệu quả nhiều nội dung tham mưu và phối hợp nhưng công tác tham mưu của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc, công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

**2. Điểm mạnh**

Lãnh đạo nhà trường có tích cực, chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy Ban nhân dân xã Đa Lộc trong việc xây dựng kế hoạch và các biện pháp cụ thể phát triển nhà trường một cách toàn diện.

Thông qua các buổi họp phụ huynh và các buổi họp báo tuần ở địa phương nhà trường có tuyên truyền việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Nhà trường đã huy động được nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân để khen thưởng học sinh có thành tích bật, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, tăng thêm một số phương tiện, thiết bị dạy học. Việc sử dụng nguồn lực tự nguyện của các tổ chức, cá nhân luôn đúng quy định và có hiệu quả.

Nhà trường có phối hợp với Công an xã Đa Lộc để giáo dục học sinh thực hiện tốt an toàn giao thông, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong nhà trường, không để xảy ra bạo lực học đường, không để tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường; phối hợp với trạm Y tế xã Đa Lộc để tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, phòng tránh ngộ độc thực phẩm, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

 Nhà trường có kế hoạch tổ chức cho HS thực hiện việc thăm, hỏi gia đình chính sách tại địa phương.

**3. Điểm yếu**

 Công tác tham mưu của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc và công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 -2024 và các năm học tiếp theo, Hiệu trưởng tiếp tục chủ động tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc về kế hoạch và các biện pháp cụ thể để phát triển nhà trường một cách toàn diện, trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tiếp tục chỉ đạo toàn thể cán bộ giáo viên nhà trường làm tốt công tác tuyên truyền trong cộng đồng nhằm huy động tối đa các nguồn lực và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tự nguyện để xây dựng cơ sở vật chất, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học, khen thưởng học sinh có thành tích nổi bật, hỗ trợ học sinh nghèo. Tổ chức nhiều hoạt động hơn nữa như thăm giếng nghĩa trang, đài tưởng niệm, khu di tích lịch sử trong và ngoài địa phương, để giáo dục truyền thống lịch sử cách mạng cho học sinh.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 2

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 4:**

Nhà trường có thành lập Ban đại diện CMHS của lớp, của trường và hoạt động có hiệu quả theo Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011. Ban đại diện CMHS có xây dựng kế hoạch phối hợp, kế hoạch hoạt động theo từng năm học trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Ban đại diện CMHS. Định kỳ  nhà trường tổ chức họp Ban đại diện CMHS 3 lần trong năm học (vào đầu năm học, đầu học kỳ II và cuối năm học) để trao đổi thông tin hai chiều nhằm tìm ra biện pháp tốt nhất để giáo dục và giúp đỡ học sinh. Ban đại diện CMHS của lớp, của trường phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo Điều lệ Ban đại diện CMHS.

 Lãnh đạo nhà trường chủ động tham mưu với Đảng ủy, Ủy Ban nhân dân xã Đa Lộc trong việc xây dựng kế hoạch phát triển nhà trường và phối hợp tuyên truyền cho CB, GV, NV, CMHS và học sinh việc nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường, về an toàn giao thông, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự, bạo lực học đường, không để tệ nạn xã hội xâm nhập vào nhà trường; phối hợp với Trạm Y tế xã Đa Lộc để tuyên truyền phòng chống các dịch bệnh, phòng tránh ngộ độc thực phẩm, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh.

Công tác tham mưu của nhà trường với Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã Đa Lộc và công tác phối hợp với các tổ chức, cá nhân để xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương chưa đạt hiệu quả.

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/2 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 2/2 (2/2) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 1/2 (1/2) tiêu chí chiếm 50 %

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Nhà trường đã thực hiện nghiêm túc chương trình GD, kế hoạch dạy học của Bộ GD&ĐT, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý GD cấp trên. Các hoạt động hỗ trợ GD luôn được quan tâm như tổ chức hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm nâng cao chất lượng GD. Tổ chức tuyên truyền giáo dục sức khoẻ cho HS qua các buổi học chính khoá như: dạy lồng ghép giáo dục sức khoẻ, GD bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả qua các buổi sinh hoạt ngoại khoá, phát thanh, các tranh ảnh tuyên truyền về phòng bệnh, phòng dịch bệnh. Trong từng tiết dạy giáo viên có GD, rèn luyện kỹ năng sống, tạo cơ hội để học sinh tham gia vào quá trình học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo. Nhà trường xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi và triển khai thực hiện có hiệu quả. Hiệu quả HĐGD của nhà trường ngày càng cao, HS luôn tiến bộ qua các giai đoạn của năm học. Kết quả xếp loại GD của HS đáp ứng mục tiêu giáo dục, luôn đạt chỉ tiêu đã đăng ký đầu năm.Mỗi năm học, trường có kế hoạch, biện pháp cải tiến các hoạt động dạy và học để nâng cao chất lượng GD.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch giáo dục của nhà trường

Mức 1:

a) Đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện thông qua các hoạt động giáo dục được xây dựng trong kế hoạch;

c) Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

Mức 2:

a) Đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục;

b) Được phổ biến, công khai để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học đối vối khối 5 và Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Nhà trường có xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần một cách rõ ràng và cụ thể, kế hoạch hoạt động chuyên môn được xây dựng phù hợp với tình hình thực tế của trường và bám sát theo phương hướng nhiệm vụ năm học của Phòng GD&ĐT huyện Châu Thành [H1-1.8-01];[H5-5.1-02].

Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục luôn đảm bảo mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh theo Công văn 2345/BGDĐT- GDTH năm 2021, thông qua các hoạt động giáo dục để hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mĩ và các kĩ năng cơ bản để học sinh tiếp tục học Trung học cơ sở” [H1-1.8-01].

Kế hoạch của nhà trường được Phòng giáo dục phê duyệt đảm bảo đúng theo qui định [H1-1.8-01].

Mức 2:

Kế hoạch giáo dục luôn bám sát mục tiêu của cấp học, đảm bảo tính cập nhật các quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục [H5-5.1-01].

Các kế hoạch giáo dục của nhà trường được phổ biến, công khai, triển khai trong các cuộc họp và niêm yết trên bảng kế hoạch của nhà trường nhằm để giáo viên, học sinh, cha mẹ học sinh, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch một cách hiệu quả nhất [H4-4.1-02]; [H5-5.1-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng kế hoạch Giáo dục đúng theo qui định được triển khai rộng rãi để cha mẹ học sinh giám sát việc thực hiện.

**3. Điểm yếu**

Các kế hoạch của nhà trường có công khai trên bảng niêm yết nhưng việc công khai trên trang Wed của nhà trường đôi khi chưa kịp thời.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023 -2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên phụ trách trang Web cập nhật kịp thời các công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017.

**5.** **Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá học sinh tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;

b) Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hằng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Nhà trường tổ chức giảng dạy đủ các môn học, đúng chương trình theo quy định, đảm đúng theo mục tiêu giáo dục. Ở khối lớp 1, khối lớp 2, khối lớp 3 và khối lớp 4, nhà trường dạy theo chương trình GDPT 2018, ở khối lớp 5 nhà trường dạy theo chương trình GDPT 2000 [H5-5.2-01].

Trong quá trình lên lớp giảng dạy, GV vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học, đảm bảo mục tiêu, nội dung, giáo dục thể hiện qua kế hoạch dạy học phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường. Nhà trường khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học [H5-3.5-03]; [H5-5.2-02];.

Tất cả giáo viên đều nhận thức đúng theo tinh thần thông tư, tổ chức đánh giá học sinh đúng Thông tư 22/2016/TT-BGĐT, ngày 22 tháng 9 năm 2016 của Bộ GDĐT đối với lớp 5; Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh tiểu học đối với khối lớp1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 [H5-5.2-03]; [H5-5.2-04].

Mức 2:

Trong quá trình lên lớp giảng dạy, giáo viên luôn lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh và đáp ứng yêu cầu, nhận thức của học sinh. Nhà trường xây dựng thời khoá biểu dạy 7 tiết/ ngày, 9 buổi/ tuần từ khối lớp 1 đến khối lớp 5 [H5-5.2-05]; [H5-5.2-06].

Nhà trường rất quan tâm trong việc bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh chưa hoàn thành môn học. Từng giáo viên có xây dựng kế hoạch và thường xuyên trao đổi kinh nghiệm với nhau trong các buổi họp tổ chuyên môn nhằm tìm ra những giải pháp tốt hơn trong hoạt động này [H5-5.2-05];H5-5.2-07].

Mức 3:

Hằng năm, vào cuối học kỳ, nhà trường có thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả từng hoạt động giáo dục để tìm ra các giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy- học của giáo viên và học sinh một cách toàn diện [H1-1.1-11].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch cụ thể rõ ràng. Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục đảm bảo mục tiêu giáo dục.Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học tích cực, phù hợp từng đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường.

**3. Điểm yếu**

Một vài học sinh có khó khăn về việc tiếp thu bài học, nên chậm tiến bộ.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp dạy học riêng cho từng đối tượng học sinh có khó khăn về học tập.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động giáo dục khác

Mức 1:

a) Đảm bảo theo kế hoạch;

b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;

c) Đảm bảo cho tất cả học sinh được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho học sinh tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của học sinh.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục NGLL phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Hoạt động NGLL trở thành nền nếp dưới sự hướng dẫn của giáo viên chuyên cùng GVCN và giáo viên TPT Đội đảm bảo quy định [H5-5.3-01]

Hàng năm, nhà trường có thành lập được các Câu lạc bộ học sinh trong nhà trường và hoạt động tốt có hiệu quả, thúc đẩy giáo dục toàn diện cho học sinh. Học sinh được tham gia lao động vệ sinh môi trường, thăm gia đình chính sách, tổ các hoạt động văn nghệ, trò chơi dân gian...[H4-4.2-05]; [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

Các hoạt động giáo dục được phân công cụ thể cho từng giáo viên phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. 100% CB, GV, NV và HS được tham gia đầy đủ [H5-5.3-04]; [H5-5.3-05].

Mức 2:

Học sinh tham gia các hoạt động NGLL với tinh thần tự giác, tích cực và ý thức trách nhiệm cao. Các em còn được tham gia các hội thi: Hoa phượng đỏ, Sắc màu tuổi thơ, Kể chuyện sách… Qua việc tổ chức các hoạt động giáo dục đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức của học sinh trong việc xây dựng trường học thân thiện - học sinh tích cực. Sau mỗi đợt tổ chức và tham gia nhà trường có rút kinh nghiệm để lần sau thực hiện tốt hơn [H5-5.3-04].

Mức 3:

Nhà trường có thành lập các câu lạc bộ năng khiếu nhằm thực hiện tốt các hoạt động nhằm phân hoá theo nhu cầu, năng lực, sở trường của học sinh như: Câu lạc bộ bóng đá, câu lạc bộ cờ vua, … [H5-5.3-03].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường xây dựng các kế hoạch và thực hiện đảm bảo theo đúng kế hoạch về giáo dục các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Kế hoạch có nội dung và hình thức hoạt động phong phú, phát huy được tính tích cực, chủ động sáng tạo của học sinh, thu hút được tất cả học sinh tham gia. Giáo viên, nhân viên nhà trường luôn nhiệt tình phối hợp tham gia các hoạt động NGLL. Thông qua các hoạt động giáo dục đã giúp học sinh có ý thức tập thể, tinh thần đồng đội, tình yêu quê hương, đất nước.

**3. Điểm yếu**

Nhà trường chưa tổ chức được nhiều các hoạt động ngoại khóa bên ngoài nhà trường.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo Hiệu trưởng tăng cường công tác tham mưu với các cấp lãnh đạo; phối hợp với Ban Đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức, đoàn thể, cá nhân địa phương để có điều kiện tốt hơn trong việc tổ chức các hoạt động ngoại khóa.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học

Mức 1:

a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục theo phân công;

b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;

c) - Quản lý hồ sơ số liệu phổ cập giáo dục tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Hằng năm, nhà trường tham mưu với UBND xã kiện toàn Ban chỉ đạo PCGD, xây dựng và thực hiện kế hoạch điều tra phổ cập, các kế hoạch hoạt động cụ thể, rõ ràng. Nhà trường thường xuyên cập nhật và triển khai nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của địa phương, của cấp trên và thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi [H5-5.4-01]; [H5-5.4-02]

Đầu năm học hàng năm, nhà trường đều lập kế hoạch tuyển sinh phối kết hợp với trường mẫu giáo Tuổi Xanh nắm được số lượng trẻ 6 tuổi, tuyên truyền, vận động phụ huynh cho trẻ đi học đúng độ tuổi quy định.  Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, nhiều năm liên tục nhà trường huy động 100% trẻ 6 tuổi vào lớp 1 [H5-5.4-03] [H5-5.4-04].

Việc quản lý hồ sơ Phổ cập theo đúng Điều lệ trường Tiểu học, đúng với quy định của Phòng GD&ĐT. Thường xuyên cập nhật, nắm bắt kịp thời các thông tin của địa phương, của ngành. Hàng năm, trường kết hợp với trường THCS Đa Lộc, trường THCS Thị Trấn Châu Thành tiến hành điều tra dân trí, trình độ học vấn ở các khóm, ấp, viết phiếu và làm biểu mẫu thống kê số liệu, vào sổ đăng bộ, sổ phổ cập [H5-5.4-05].

Mức 2:

Hằng năm nhà trường tổ chức và thực hiện tốt “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, phối hợp tốt với các ban, ngành địa phương huy động trè 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-04].

Mức 3:

Để nâng cao chất lượng dạy, học và công tác giáo dục phổ cập Tiểu học nhà trường đã thực hiện tốt công tác điều tra phổ cập, huy động trẻ đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100% [H5-5.4-03]; [H5-5.4-05].

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường đều phối hợp với ngành, địa phương đề ra kế hoạch rà soát và thực hiện đầy đủ nội dung phổ cập giáo dục tiểu học đúng tiến độ thời gian. Thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học, không có học sinh bỏ học.

**3. Điểm yếu**

Dân số địa phương thường xuyên biến động do người dân địa phương đi làm thuê, từ đó học sinh chuyển đến, chuyển đi nhiều nên việc điều tra, cập nhật số liệu đôi khi chưa chính xác.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024, Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên làm công tác phổ cập, cập nhật số liệu trẻ trong địa bàn, chuyển đi, chuyển đến cho chính xác. Duy trì lớp xóa mù chữ hàng năm để nâng cao tỷ lệ người biết chữ trong địa bàn xã, góp phần nâng cao trình độ dân trí tại địa phương.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;

b) Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

a) Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

**1. Mô tả hiện trạng**

Mức 1:

Kết quả giáo dục hằng năm của nhà trường luôn ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hàng năm đều đạt trên mức 97%. [H5-5.5-01]. Cụ thể

                                  Năm học 2018-2019: 1134/1167-97%

                                  Năm học 2019-2020: 1160/1198- 97%

                                  Năm học 2020-2021: 1168/1194- 98 %

                                  Năm học 2021-2022: 1153/1179- 98 %

                                  Năm học 2022-2023: 1186/1211- 98%

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi - lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ trên 90% [H5-5.5-02]. Cụ thể  :

                                  Năm học 2018-2019: 192/208-92,3%

                                  Năm học 2019-2020: 198/212-93,4%

                                  Năm học 2020-2021: 223/239-93,3%

                                  Năm học 2021-2022: 201/223- 90,1%

                                  Năm học 2022-2023: 197/216- 91,2%

Tỷ lệ học sinh đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt trên 97% như sau: [H5-5.5-03]

                      Năm học 2018-2019: 741/759- 97,6 %

                      Năm học 2019-2020: 726/745-97,4%

                      Năm học 2020-2021: 798/816- 97,8%

                      Năm học 2021-2022: 795/819- 97,1%

                      Năm học 2022-2023: 808/829- 97,5%

Mức 2:

Kết quả giáo dục hằng năm của nhà trường luôn ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đều đạt trên mức 97% và năm sau cao hơn năm trước.[H5-5.5-04]

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi - lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ trên 90% [H5-5.5-02]

Mức 3:

Kết quả giáo dục hằng năm của nhà trường luôn ổn định, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đều đạt trên mức 97% và năm sau cao hơn năm trước.[H5-5.5-04]

Tỷ lệ học sinh 11 tuổi - lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ trên 90% [H5-5.5-02]

**2. Điểm mạnh**

Hằng năm nhà trường đều phối hợp với ngành, địa phương đề ra kế hoạch rà soát và thực hiện đầy đủ nội dung phổ cập giáo dục tiểu học đúng tiến độ thời gian. Thực hiện tốt "Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường”, huy động 100% trẻ trong độ tuổi đi học, không có học sinh bỏ học.

**3. Điểm yếu**

Không có điểm yếu.

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

Trong năm học 2023-2024 nhà trường tiếp tục cố gắng đầu tư, hoàn thiện tốt hơn trong việc xây dựng các kế hoạch của nhà trường. Học tập, trao đổi kinh nghiệm từ các trường bạn, từ sự chỉ đạo cấp trên để nhà trường thực hiện tốt hơn công tác giảng dạy và giáo dục, tạo được niềm tin trong cộng đồng.

**5. Tự đánh giá:** Đạt mức 3

**Kết luận** **về Tiêu chuẩn 5:**

Nhà trường thực hiện dạy đủ, đúng chương trình theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ GD & ĐT về Ban hành chương trình GD phổ thông; Thông tư 32/2018/TT/BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018. Nhà trường có xây dựng đầy đủ kế hoạch hoạt động chuyên môn theo từng năm học, học kỳ, tháng, tuần và thực hiện tốt theo kế hoạch. Nội dung kế hoạch mang tính thống nhất trong chỉ đạo thực hiện cho toàn trường.  Giáo viên nhà trường luôn chuẩn bị tốt cho kế hoạch bài dạy trước khi lên lớp, vận dụng phương pháp linh hoạt trong từng tiết dạy, chú trọng việc lựa chọn hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh. Nhà trường thực hiện đánh giá học sinh đúng quy định theo Thông tư 22/2016/TT-BGD ngày 22/9/2016; thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục Đào tạo về Quy định đánh giá học sinh tiểu học.

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện của đơn vị và tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt. Tổ chức dạy đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục. Ban giám hiệu làm tốt công tác quản lý các hoạt động giáo dục; chỉ đạo các tổ chuyên môn và giáo viên nghiêm túc thực hiện kế hoạch đề ra. Hoạt động chuyên môn luôn được quan tâm và đổi mới do đó chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường ổn định và từng bước được nâng cao. Tỷ lệ học sinh  hoàn thành chương trình lớp học, cấp học, lên lớp hằng năm đảm bảo so với quy định. Học sinh  nhà trường tích cực tham gia các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Hằng năm, nhà trường huy động 100% trẻ trong độ tuổi đến trường, 100% trẻ em 6 tuổi vào lớp 1. Tỷ lệ  học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học hằng năm đạt tỷ lệ cao. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt chỉ tiêu kế hoạch.

Dân số địa phương thường xuyên biến động do người dân địa phương đi làm thuê, từ đó học sinh chuyển đến, chuyển đi nhiều nên việc điều tra, cập nhật số liệu khó chính xác và không ổn định.

Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

* + Không đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: 5/5 (5/5) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: 5/5 (4/4) tiêu chí chiếm 100 %

**II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4**

**Tiêu chí 1**: Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 2**: Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 3**: Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 4**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Tiêu chí 5**: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

**1. Mô tả hiện trạng**

**2. Điểm mạnh**

**3. Điểm yếu**

**4. Kế hoạch cải tiến chất lượng**

**5. Tự đánh giá:** Không đạt

**Kết luận:**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

**Phần III. KẾT LUẬN CHUNG**

* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:
  + Không đạt: 0/27 chiếm 0 %
  + Đạt Mức 1: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt Mức 3: (24/27) (16/19) tiêu chí chiếm 88.9 %
* Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:
  + Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100 %
  + Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0 %

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

·        Không đạt: 0

·        Đạt Mức 1: (27/27) (23/27) tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt Mức 2: (27/27) (27/27) tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt Mức 3: (19/27) (11/19) tiêu chí chiếm 58%

-         Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

·        Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%

- Tự kiểm định chất lượng là điều kiện giúp nhà trường nhận rõ được những điểm mạnh, điểm yếu của trường, từ đó có kế hoạch cải tiến chất lượng để đạt được mục tiêu theo quy định. Qua tự đánh giá các tiêu chuẩn theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, trường Tiểu học Đa Lộc A có những thuận lợi như về tổ chức bộ máy nhà trường theo quy định trường Tiểu học, đội ngũ cán bộ quản lý, GV, nhà trường tạo được khối đoàn kết nội bộ, dân chủ trong trường học, công tác xã hội hóa của trường được Ban đại diện CMHS, các cá nhân, tổ chức, chính quyền hỗ trợ khá tích cực, chất lượng GD ngày càng tăng và từng bước đi vào ổn định,... nhìn chung nhà trường đủ năng lực, trình độ đáp ứng cho nhu cầu GD hiện tại.

- Tuy nhiên, nhà trường còn gặp một số khó khăn là viên chức TV-TB chưa có bằng chuyên môn đúng quy định, không có nhân viên Y tế chuyên trách, cơ sở vật chất nhà trường chưa đảm bảo theo yêu cầu,... Để đạt được các tiêu chuẩn theo quy định về kiểm định chất lượng nhà trường cần có sự hỗ trợ nhiều hơn nữa của các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các ban ngành, các tổ chức đoàn thể, cha mẹ học sinh,... và quan trọng là nội lực của nhà trường trong việc quyết định chất lượng GD, đồng thời có sự đổi mới về quản lý, hiệu quả huy động các nguồn lực, cải tiến cơ sở vật chất,… Sau khi tự đánh giá với những minh chứng hiện có, trường đã đạt được và không đạt được các chỉ số và các tiêu chí như sau:

-  Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 1, Mức 2 và Mức 3:

·        Không đạt: 0

·        Đạt Mức 1: (27/27) tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt Mức 2: (27/27) tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt Mức 3: (11/19) tiêu chí chiếm 58%

-         Số lượng và tỉ lệ phần trăm (%) các tiêu chí đạt và không đạt Mức 4:

·        Không đạt: 5/5 tiêu chí chiếm 100%

·        Đạt: 0/5 tiêu chí chiếm 0%

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của Bộ GD&ĐT TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA LỘC A tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục Cấp độ 2 và đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1.

Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục mầm non, giáo dục cơ sở, giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên của BGD&ĐT. TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐA LỘC A tự đánh giá đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 2 và đạt mức độ 1 trường chuẩn Quốc Gia.

*Đa Lộc, ngày 27 tháng 12 năm 2023.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG**  *(Ký tên, đóng dấu)*  **Lâm Kim Ngân** |

**Phần IV**

**PHỤ LỤC**